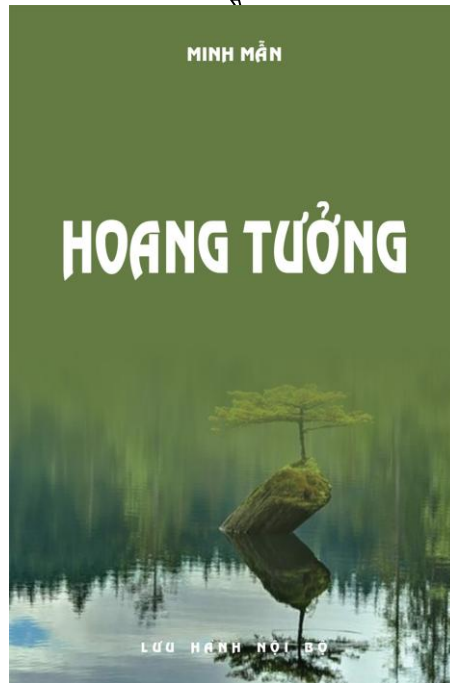




Trong cuộc sống, việc bất bình thường không phải ít; có khi bị thần kinh, có khi bị ảo giác, hay hoang tưởng, có khi bị chấn thương đưa đến bất thường, có lúc tu tập không có Minh sư hướng dẫn, hành giả không đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm... Cũng có khi sở đắc một khía cạnh nào đó rồi cứ ngỡ là toàn giác.

Người hoang tưởng, bị lạc dẫn bởi ngũ ấm ma thể hiện qua lời nói, cách trang phục hoặc hành động không bình thường. Lúc còn được ma bảo kê, họ thành đạt tiền tài, vật chất và danh vọng, nhưng khi hết thời mất phước, quyến thuộc ma bỏ

roi thân xác kẻ đó sẽ sa vào lưới pháp luật, hay tệ hơn nữa là không còn tỉnh táo bình thường.

Qua những bài phân tích, sẽ thấy nạn nhân thuộc lãnh vực nào; bị ức chế sinh lý, bị hoang tưởng, bị lạc dẫn bởi ngũ ấm ma, nếu không dừng lại, tiếp tục tạo nhân bất thiện, hạ thấp hoặc xuyên tạc chân lý, chắc chắn không sao tránh khỏi địa ngục mà Hòa Thượng Bốn Sư Thích Thanh Từ đã thọ ký.

Xin mời quý vị chậm rãi đọc những bài nói về sự sai lầm đối với giáo lý nhà Phật mà Thích Chân Quang đang gieo rắc cho tín đồ.

Mong các bậc thức giả giúp tà sư trở về con đường chánh pháp.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cư sĩ Minh Mẫn



* ẢO GIÁC - HOANG TƯỚNG - ĐIÊN (1)

HIỆN TƯỢNG ẢO GIÁC - HOANG TƯỚNG

Chả ai lạ gì, trong cuộc sống, xã hội ngày càng tiến bộ thì thế giới hoang tưởng ngày càng rộ nở. Hoang tưởng thuộc dạng tâm thần phân liệt. Có những hoang tưởng đưa đến điên loạn, cũng có những hoang tưởng biến kẻ đó thành người kiệt xuất, thiên tài, đóng góp cho xã hội nhiều công trình tuyệt tác.

Khoa học chưa xác định nguyên nhân đưa đến ảo giác, hoang tưởng, vì họ cho đó là triệu chứng nội sinh thuộc hệ thần kinh, nhưng trong cuộc sống, nạn nhân ảo giác, hoang tưởng có thể do bị truy bức ám hại, do bị kềm chế quá mức, bị chi phối bởi vấn đề căng thẳng, do một chấn thương tâm sinh lý, do tu luyện sai lệch, do sử dụng các thiết bị hiện đại suốt thời gian dài mà đương sự tự cách ly với cuộc sống chung quanh, nhất là dùng head phone, earphone thường xuyên, đưa đến ảo thanh, nghĩa là lỗ tai luôn nghe những âm thanh lạ.

Cũng có rất ít trường hợp bệnh nhân viêm xoang

lâu ngày ảnh hưởng hệ thần kinh thánh giác. Cũng có trường hợp tự kỷ ám thị một vấn đề lý tưởng biến sanh hoang tưởng... đôi khi tiếp cận, tương thích với sóng âm ngoại biên ở môi trường không thích hợp, nhất là vùng nhiều âm khí do tích tụ lâu ngày xác chết dưới chỗ ở... trường hợp này mới bị, thay đổi nơi cư trú sẽ thoát khỏi ảnh hưởng.

Theo khoa học nguyên nhân của bệnh hoang tưởng ảo giác do những biến đổi, khiếm khuyết về rối loạn chuyển hóa của tế bào não, rối loạn chức năng hoạt động của não và chưa một xét nghiệm nào có thể phát hiện được. Tâm thần phân liệt hoang tưởng và hình thức khác của chứng rối loạn tâm thần phân liệt não. Di truyền và môi trường có khả năng cả hai đóng một vai trò trong việc gây ra tâm thần phân liệt.

Hiện tượng biểu hiện tâm thái bất thường, thương ghét vô cớ, lảm nhảm một mình. Ảo thanh thường nghe từ trong lỗ tai ra lệnh làm những việc xấu có hại cho bản thân cũng như cho người chung quanh. Đôi khi bị ám ảnh ai đó hại mình. Cũng có trường hợp hoang tưởng có thể sáng chế, nghiên cứu, phát minh ra những cái mà người thường không thể làm được. Được gọi nôm na là bệnh “vĩ cuồng”, những người mắc dạng hoang tưởng tự cao, thường quá tự đề cao bản thân, tưởng mình là thiên tài, vĩ nhân. Người có địa vị, hoang tưởng tự cao cứ nghĩ mình là lãnh tụ dẫn

dắt quần chúng theo con đường mình phát minh hoặc tiếp thu từ cảnh giới khác.

Ảo giác, hoang tưởng nhẹ thì lúc có lúc không, người ngoài khó phân biệt, chỉ trừ người thân hoặc người thân cận theo dõi mới phát hiện sự bất thường đó. Bệnh này, y học khó chẩn đoán xác định bằng dụng cụ máy móc. Bệnh nhẹ, bác sĩ tinh ý lắm mới nhận thấy qua trực tiếp trao đổi với bệnh nhân.

Việc chữa trị, cần nhất là gia đình hỗ trợ chăm sóc ăn ngủ điều độ, tránh dùng đồ kích thích, cay nóng, cà phê, thuốc lá, gợi ý nắm bắt tâm lý để điều chỉnh ý thức của bệnh nhân lúc trao đổi, khuyến khích vận động nhẹ như thể thao, thể dục.

Ảo giác đưa đến hoang tưởng, hoang tưởng đưa đến điên loạn, có nghĩa từ tâm thần phân liệt nhẹ dần dà đưa đến bệnh tâm thần do lúc đầu chưa được theo dõi chữa trị.

Tâm thần phân liệt là một rối loạn có thể điều trị được và người bệnh có thể làm việc và sống bình thường với nhân viên y tế, với người thân trong gia đình. Phát hiện và điều trị càng sớm hiệu quả càng cao.

Cần phân biệt người bị ảo giác, ảo thanh và một hành giả trên tiên trình tu tập. Hành giả có thể nghe âm thanh vi diệu, còn gọi là tiếng nhạc trời,

hoặc âm thanh từng nhạc cụ khác nhau, khi nghe được những âm thanh như thế, hành giả cảm thấy hoan lạc, thanh thản như thực vật được nuôi dưỡng bằng âm thanh sẽ lớn nhanh. Những âm thanh do hành giả nghe được không tác hại sức khỏe bản thân hay đe dọa cuộc sống chung quanh. Hành giả thiền định, thời gian đầu cũng xuất hiện nhiều cảnh tượng do ngũ âm nội thân phát khởi, nếu trụ tâm vào đó sẽ bị lạc dẫn đến hoang tưởng, điên loạn. Qua thời kỳ đó, linh ảnh xuất hiện từ những sóng thức tuệ giác, những linh ảnh này luôn tồn tại mà không bị biến mất như giai đoạn đầu hành giả tập lắng đọng nghiệp thức.

* * *

TRONG TÔN GIÁO

Ngay cả tôn giáo, vẫn có những trường hợp này xảy ra. Kito giáo từng có những tu sĩ tự xưng là sứ giả Thiên Chúa trao truyền mật khải cho thế gian. Ở Nhật, giáo phái Aum Shinrikyo do Asahara được chính thức hoạt động năm 1989, ông ta kết hợp giáo lý nhà Phật + kinh Tibetan + kinh Yoga của Patanjali và Đạo giáo để xuất bản ra cuốn *Vượt qua sự sống và cái chết, Kinh Mahayana và Sự khởi đầu*.

Sau khi thu hút được một số tín đồ, cứ nghĩ mình thay mặt Thượng đế canh cải tôn giáo và sát phạt những kẻ tội lỗi, đưa đến vụ khủng bố tàu điện

ngầm Tokyo bằng khí Sarin. IS hiện nay cũng thế, phải diệt tất cả bọn ngoại đạo và xã hội văn minh sa đọa để thành lập một Thiên đường Hồi giáo cực đoan. Ở Nam Triều Tiên năm 2000, mục sư khuyến tín đồ bán tài sản cúng cho nhà thờ rồi tự sát tập thể vì ngày giờ tận thế Chúa đã phán...

Mỹ cũng có David Koresh, Jim Jones, Charles Manson, David Burg, Ron Hubbard, Marshall Applewhite, Bonnie Nettles, mục sư Sun Myung Moon v.v...

Trong Phật giáo hiện nay cũng đang có một hiện tượng mà một số tín đồ theo đương sự cứ tin ông ta là Thánh sống. Phần này sẽ trình bày sau.

Trong giới trí thức, khoa bảng cũng không tránh khỏi những hiện tượng hoang tưởng. Tại Trung quốc, một tay cuồng triết tuyên bố dùng triết học để giải những bài toán hóc búa, được báo đài tung hô là "nhà khoa học dân gian".

Nhưng lãnh vực khoa học không đồng ý danh xưng như vậy; nên gọi với danh hiệu "nhà khoa học hoang tưởng" để chỉ những người không qua đào tạo bài bản, không đủ kiến thức chuyên môn nhưng lại tự cho mình đã có những phát minh vĩ đại.

Nửa thế kỷ trước, Martin Gardner đã miêu tả 5 đặc điểm của các nhà khoa học hoang tưởng phương Tây như sau:

- Họ tự cho mình là thiên tài
- Họ cho rằng tất cả những nhà khoa học nghiên cứu cùng vấn đề như họ đều ngu dốt
- Họ nghĩ rằng mình bị giới "học phiệt" kỳ thị và đàn áp
- Họ hết sức công kích những nhà khoa học vĩ đại nhất cùng những lý thuyết khoa học cơ bản nhất
- Tác phẩm của họ vô lý, dùng một lượng lớn thuật ngữ tự nghĩ ra, lời lẽ rối rắm.

Trung Quốc thịnh hành các nhà khoa học hoang tưởng, do truyền thống triết học sản sinh lầm triết thuyết, cộng thêm sau cuộc "cách mạng văn hóa" ca ngợi quần chúng lao động sáng tạo trong thời đại "nhảy vọt", bài xích trí thức khoa bảng, khoa học lúc bấy giờ, tôn nhân dân, công nhân lao động lên ngôi vị lãnh đạo. Khuyến khích toàn dân lao vào lĩnh vực khoa học nhân dân.

Đột xuất có hiện tượng Trần Cảnh Nhuận, kêu gọi toàn dân học tập theo tinh thần khoa học sáng tạo của anh hùng lao động khoa học Trần Cảnh Nhuận.

Những năm trước, trò "biến nước thành xăng" của anh chàng lái xe bus Vương Hồng Thành đã nhận được sự hỗ trợ lớn của đủ các cơ quan nhà

nước, đến 10 năm sau mới bị lộ, làm nhà nước thiệt hại tới hơn 400 triệu tệ.

Năm 1999, ở Nam Nhai, Hà Nam, người ta bắt đầu chế tạo “động cơ vĩnh cửu” theo thiết kế của bí thư Vương Văn Bân. Mất 4 năm và hơn 20 triệu tệ, người ta mới học được bài học là trên đời này không tồn tại động cơ vĩnh cửu cũng như không có gì là vĩnh cửu, muôn năm.

Hiện nay, đua nhau phát triển kinh tế, Trung quốc đã sản sinh nhiều nhân tài hoang tưởng, biến tất cả thực phẩm và mọi vật dụng trở thành đồ độc hại giết nhân loại. Trung Quốc có truyền thống đi tắt theo bước "Đại nhảy vọt" nên sản sinh nhiều thiên tài hoang tưởng và nhà sáng tạo "hàng nhái" tinh vi.

* * *

Từ xưa cũng đã từng có nhiều nhà khoa học hoang tưởng muốn biến nước thành xăng như ông ông Alaeddin Qassemi người Iran.

Năm 1918, Charles Frazer, một nhà phát minh từ bang Ohio (Mỹ), được cấp bằng sáng chế cho bộ tăng cường hydro, sử dụng điện phân để tăng sức mạnh động cơ cùng hiệu suất nhiên liệu và giảm khí thải.

Đến năm 1935, Charles H. Garrett gây xôn xao khi nói phát minh ra động cơ xe vận hành bằng

nước lẫn đầu tiên, dùng bộ chế hòa khí đặc biệt và “chạy được vài phút”.

Người Mỹ Stanley Meyer của những năm 1980 đến nhà sáng chế người Philippines Daniel Dingle đầu những năm 2000.

Gần nhất, ngay trong năm 2016, vài tờ báo, trong đó có *The Mirror (Anh)*, đưa tin một công dân Ấn Độ mù chữ tên Mohammad Raees Markani (44 tuổi) đã phát minh ra động cơ chạy hoàn toàn bằng nước lẫn. Nhưng tất cả chỉ là hoang tưởng, không thể áp dụng vào đời sống thực tế.

Thế gian loạn tưởng do áp lực kinh tế và bon chen sáng tạo là chuyện dĩ nhiên. Nhưng Tôn giáo như đạo Phật, nhìn cuộc sống là vô thường, huyễn ảo: "Nhất thiết hữu vi pháp - như mộng huyễn bào ảnh - như lộ diệt như điện - ung tác như thị quán...". Thế mà cũng có người hoang tưởng, cứ xem cuộc sống hữu vi này là thật. Một khi đã nhìn thế gian lệch hướng với Phật giáo, thì mọi hành động, lời nói đều là ma đạo.

Chân Quang là một trong những người như thế, đã lạc dẫn vô số tín chúng, nhất là đám thanh niên hiện nay. Năm 2009 về sau, trên 70 Tăng Ni và một số tín đồ đã tỉnh giác tách rời Thiền tôn Phật Quang để tìm nơi tu tập thanh tịnh, trở lại nếp sống chánh đạo của Tăng đoàn, mà một thời đại chúng cảm thấy bất ổn dưới mái chùa Phật Quang do Chân Quang điều hành. Những người

ra khỏi Phật Quang, họ mới nhìn lại quá khứ huyền hoặc, họ không hiểu tại sao họ lại tin một cách mù quáng như thế. Chân Quang từng có ý tưởng thiết kế phi thuyền, nói với đệ tử là nhà nước sẽ cần và mua lại, ông ta là người duy nhất sáng kiến ra phi thuyền... còn rất nhiều điều hoang tưởng mà không ai có thể hoang tưởng hơn.

* * *

BÍ MẬT SAU HƠN 2500 NĂM MỚI ĐƯỢC HÉ LỘ VỀ CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT.

Vừa nghe qua, ai cũng giựt mình, suốt gần 30 thế kỷ, chưa có một vị Tồ, một bậc A La Hán nào phát hiện được sự thật về cuộc đời Đức Phật, nay có một vị (chưa hiểu vị này là bậc Thánh cỡ nào) đã hé lộ cho hậu thế biết sự thật về cuộc đời đức Phật trong bộ truyện tranh mà ông ta đã học từ cõi vô hình mỗi đêm: Đỉnh núi Tuyết, quyển 16, trang 14- 38 - 49 - 89 - 90 - 91- 92 – 93

Xin mời tất cả thường lãm sự phát hiện này:

"đến sông Hằng rộng mênh mông, Phật và tăng chúng biến mất ở bờ sông bên này, hiện ra ở bờ sông bên kia" - trang 14 Đỉnh núi Tuyết số 16.

Tuy là hư cầu, nhưng hư cầu đi ngược kinh điển,

đây là sự xuyên tạc tinh thần Phật giáo. Truyện tích kể rằng, cuộc đối thoại giữa đức Phật và một đạo sĩ Bà La Môn - Phật hỏi - ông tu luyện bao lâu mới đi trên mặt nước để qua sông? - đạo sĩ trả lời - tu luyện 25 năm - đức Phật nói - ta chỉ cần bỏ 25 xu có thể qua sông.

Như vậy Phật không sử dụng thần thông, cấm đệ tử sử dụng thần thông khi đi hoằng pháp thì lý do nào Chân Quang cho phép Phật và Tăng chúng biến mất ở bờ sông bên này, hiện ra ở bờ sông bên kia? Có phải bảo Phật là nói một đàng làm một ngả như Chân Quang vậy, hay Chân Quang cố tình xuyên tạc đức Phật thuộc loại huyền hoặc tà thuật???

"cháu phải cố gắng tập đi tập lại những thế võ mà các giáo thọ sư đã dạy trong hai năm qua để tăng cường sức khỏe - thưa tôn giả Nanda, cháu cũng muốn tập võ cho khỏe, nhưng ngại làm mất oai nghi của người xuất gia" - trang 38.

Trong giáo lý và kinh điển, chưa từng nghe đức Phật dạy cho đồ chúng tập võ. Đời sống thường nhật là thiền định, thiền hành, hoằng pháp và khát thực. Hư cầu như thế phải chăng để biện minh cho việc tập luyện võ nghệ tại Thiên Tôn Phật Quang mà Chân Quang cấu kết với võ đường Thanh Long? Chủ trương đức Phật khi còn tại thế, thời gian dành cho việc tu giải thoát, không

hề có việc giải trí đờn ca hát xướng, võ nghệ như Thiền Tôn Phật Quang đang lạc dấn đồ chúng vào nẻo thế tục.

"Lúc này việc làm ăn của người thế nào, ta nghe báo cáo tốt lắm? - Thừa nữ chúa công, hạ thần nhờ thực hiện mọi chỉ đạo của nữ chúa công nên việc kinh doanh được tiến triển thuận lợi" - trang 49.

Một hư cấu nữa muốn hạ thấp đẳng cấp vương quyền của vương gia Tịnh Phạn, để con dâu Da du Đà La phải kết cấu và chỉ đạo thuộc hạ đi buôn lậu???

Xin xem tiếp Chân Quang nói La Hầu La được sinh sản đơn tính như thế nào. Sẽ thấy tinh thần loạn tưởng mà không riêng bản thân Chân Quang; người chị của Chân Quang trước kia trụ trì chùa Thiền Lâm ở ngã tư An Suông, cũng không được bình thường, sau đó bán chùa đi khỏi Hộc Môn. Như vậy do gen di truyền???

MINH MÃN
25/3/2017
(còn tiếp)

*** ẢO GIÁC - HOANG TƯỞNG - ĐIÊN (2)**

HOANG TƯỞNG VÀ TÂM ĐÓ KỶ

Vào năm 2005, khi Thiền sư Thích Nhất Hạnh sắp về Việt Nam, Chân Quang nói với người viết bài này:

- Anh nên phê phán ông Nhất Hạnh.

Tôi hỏi:

- Tại sao?

- Ông ta là C.I.A

- Sao thầy biết?

- Ngày giải phóng, Cách Mạng bắt được hồ sơ ông ta ở bót Nguyễn văn Cự, quận Nhất Sài Gòn.

- Chân Quang nói một cách chắc nịch.

Tôi trả lời:

- Hồ sơ C.I.A thì ở cấp Trung ương chứ làm gì nằm ở một quận lẻ như thế.

Ông im lặng. Và ít lâu sau, bài nhận định giáo lý

làng Mai được ra đời dưới cái tên lạ.

Một lần khác, khi chùa Hoằng Pháp sinh hoạt nổi bật, ông ta lại xúi tôi viết bài chống chùa Hoằng Pháp.

Tôi hỏi:

- Tại sao?

Ông ta nói:

- Hồi giáo bỏ tiền cho Hoằng Pháp sinh hoạt, sau này biến A Di Đà thành Allah.

Thời gian không lâu, nhiều truyền đơn bôi xấu chùa Hoằng Pháp tung rải ngay trong sân chùa lúc có những khóa tu cho Phật tử. Những khóa tu cho sinh viên có những dấu hiệu phá hoại như bỏ thuốc kích thích vào bồn nước uống, và có những phần tử gây rối trong khóa tu...

Đó là những hành động hoang tưởng cộng với tâm đồ kỵ và nham hiểm của một con người thông minh đội lốt tu sĩ ngoài vòng kiểm soát của Phật giáo.

KÈM CHẾ TĂNG CHÚNG

Do vậy, không lạ gì những tu sĩ từ Thiền Tôn Phật Quang bị thất điên bát đảo khi bị ông ta trù dập nếu không theo chỉ thị của ông. Thậm chí khi họ ra đi, không chùa nào dám chứa vì ông ta cho

người đến gặp thầy trụ trì xúi dục vu vạ.

Hai vị thị giả thân cận nhất, nghe được kế hoạch thâm độc nguy hiểm đến tánh mạng mình, và phát hiện thú tính - "già không bỏ, nhỏ không tha" của ông ta, hai vị đã bỏ trốn.

Khi gần 70 đệ tử xuất gia ly khai ông ta, ông vu khống là bị Hồi giáo mua chuộc. Một vị thầy mà được đệ tử xem như bậc Thánh thì không ai có thể mua chuộc được, có chăng thì chỉ vài người chứ không thể hàng loạt bỏ ra đi, và buộc ông ta chia tài sản cho họ làm nơi khác tu tập. Đến nay, số tu sĩ ly khai đó, một số được ăn học với những bậc chân đức, mà trước kia, còn trong vòng kiểm soát của Chân Quang, không ai được xem sách báo, kinh điển học hỏi giáo lý ngoài Phật Quang. Bây giờ Ni và Tăng đã có hai nơi an ổn, tu tập thanh tịnh, hành trì đúng nghi pháp Thiền môn.

Những tu sĩ thoát vòng kềm tỏa cho biết - trước kia, Tăng chúng luôn sống trong cảnh giác, vì ông ta lập tổ "tam tam chế", ba người kiểm soát lẫn nhau, hàng ngày phải làm bản tự kiểm. Báo cáo lên khi phát hiện những hành động, ngôn ngữ trái với chủ trương chùa Phật Quang... Họ luôn luôn sống trong lo sợ. Vào chùa không thấy giải thoát mà chỉ sống trong mọi ràng buộc, trong đó bị ràng buộc những lời tuyên thệ không hề có trong nhà Phật.

Tiếp xúc với ông ta hai lần, thấy được tâm địa và

khí chất hoang tưởng của ông ta, tôi không giao tiếp nữa. Một vài đệ tử của ông ta bây giờ xem tôi như loại phản phúc, để rồi hơn 10 năm sau, chính họ rời bỏ ông ta, và kêu lên - Anh thật thông minh, thấy xa hiểu rộng hơn tụi em. Tụi em làm thân trâu ngựa hàng chục năm mới thấy được vấn đề chánh tà... Tuy nhiên, vẫn còn một vài người vì quyền lợi trong cuộc sống, dầu biết rõ ông ta, cứ nhắm mắt tiếp tục phục vụ, tuyên truyền cho ông ta.

* * *

LIÊN KẾT TẠO THỂ TỰA

Sự hoang tưởng vẫn không dừng lại, vì chính bản thân được xây dựng trên sự quy phục tôn kính của hàng vạn tín đồ, được một vài tu sĩ cũng vì quyền lợi, lợi dụng lẫn nhau - "ông Thần dựa cây đa, cây đa dựa ông Thần", làm bàn đạp tiến thân lẫn nhau, dùng tiền của mua chuộc một vài vị chức sắc, dùng tinh thần "kết nghĩa và y chỉ" để gắn bó với hàng ngũ tu sĩ, mà hàng chục năm qua, Chân Quang đứng ngoài cộng đồng Phật giáo.

Dù bị Hòa Thượng tôn sư tấn xuất khỏi Thường Chiếu, thầy mình vẫn là thầy còn đó, Chân Quang đến đầu sư với cố HT T. Trí Tịnh, T. Trí Quảng, Thiền sư Duy Lực... đều bị chối từ. Thế là ra Bình Định xin y chỉ với HT. T. Thiện Nhơn, lúc

ngài đang xây chùa, Chân Quang xin được hỗ trợ kinh phí. Thật ra nhờ uy tín của cố HT Thiện Nhơn, Chân Quang vận động hải ngoại cúng dường, mãi đến khi tình cờ một Phật tử điện về báo cáo đã gửi tiền cho Chân Quang, HT mới vỡ lẽ bí ẩn những đồng tiền mà Chân Quang không bao giờ báo cáo. Hình ảnh Chân Quang đắp y lay HT Thiện Nhơn ngoài Bình Định, từ ngoài đường lộ, đã gieo nên một cảm xúc kinh tởm của một vài Phật tử hiểu luật đạo, nhìn thấy một sự phản sư đến không ngờ.

Khi HT T. Thiện Nhơn trong Nam làm chủ tịch HĐTS, lại tiếp tục đầu quân xin y chỉ sư, được thầy giao chùa Minh Đạo, quận ba trông nom. Chân Quang đẩy đệ tử của HT ra, đưa người mình vào chiếm lĩnh thao túng. HT hoảng hốt, liền trục xuất Chân Quang khỏi chùa Minh Đạo. Bây giờ nghe ai xin y chỉ, HT không dám nhận.

Những quan chức nhà nước, Chân Quang cho đệ tử tại gia tìm mọi cách tiếp cận làm quen, móc nối, dựa dẫm. Một lần Chân Quang cùng bầu đoàn thể từ nghỉ lại nhà khách chính phủ ở Hà Nội, buổi sáng xuống phòng khách, gặp ông Nguyễn Minh Triết và các nhân vật Trung ương, ông ta bắt tay và ra lệnh đệ tử chụp hình (ông ta có đội ngũ quay phim chụp hình đi theo bất cứ nơi đâu). Liên sau đó, hàng loạt những tấm hình được phổ biến trong các Đạo Tràng của ông ta, ai cũng ngỡ thầy mình được chính phủ tiếp đón long

trọng.

Bất cứ hành động nào đem lại lợi ích, Chân Quang không bao giờ nghĩ đến hình thức đầu tròn áo vuông của mình, vì thế mà lay một võ sư Thanh Long võ đường cũng là chuyện thường. Ông ta có bao giờ hiểu luật đạo: - "bất bái quân vương" đâu. Một khi đã xuất gia, không lẽ lay bất cứ ai, kể cả cha mẹ, nhưng Chân Quang lay một kẻ phạm tục để cầu uy danh võ đạo. Người tu không đến quan trường, không giao lưu với phường bất chánh, không nương tựa uy danh thế tục, không kết nghĩa tục gia... tất cả quy luật đó, Chân Quang đạp lên mà tiến thân, bởi bản chất xảo quyệt, không học giáo luật, không tu tập, mọi hành động hoàn toàn thế tục đội lốt tu sĩ.

* * *

Một thời Chân Quang lên án Kito giáo, bây giờ lại kết nghĩa với các Linh Mục, làm nhạc ca tụng và rao giảng mừng Chúa trong mùa Giáng Sinh, cứ nghĩ việc làm của mình là đoàn kết tôn giáo, là loại văn hóa sáng tạo, nhưng lại là loại sáng tạo hoang tưởng.

Một thời khuyến khích ăn cá để cá được phước... bây giờ lại mượn uy thế giáo hội ký hợp đồng với Thủy sản để phóng sanh hàng tấn cá độc hại.

Mượn danh những nhạc sĩ nổi tiếng như Bảo

Phúc, Giác An... làm ra hàng vạn đĩa CD nhạc của họ, bán giá cắt cổ cho tín đồ sau một màn tán dương, đề cao tài năng của họ trước quần chúng. Làm tiền dưới mọi hình thức, đến khi bị ai đó phát giác, liền vu cáo họ là bị ngoại đạo mua chuộc, hoặc chính những người đó là ngoại đạo lòng vào phá hoại Phật giáo.

Sự hoang tưởng cứ nghĩ mình có óc sáng tạo, vì vậy bộ Đỉnh núi Tuyết tiếp tục ra đời, không những giải thích những gì đã xuất hiện gần ba ngàn năm trước, một giải thích ra về khoa học nhưng tâm ma luôn là sự phá hoại Phật giáo, đưa lịch sử Phật giáo xuống bùn đen. Mời tất cả chúng ta tiếp tục đọc những đoạn sau đây:

* * *

(Trích truyện Đỉnh núi Tuyết tập 16)

Trên đường đi, một Tỳ kheo trẻ hỏi Tôn giả Sariputta (ngài Xá Lợi Phất):

- Thưa Tôn giả Sariputta, con nghe nói ai chứng được sơ thiền là ly dục ly bất thiện pháp, nghĩa là diệt được dâm dục có phải chăng? Thưa Tôn giả Sariputta, con nghe nói Thế Tôn 12 tuổi. Trong một lần ra ngoài đồng dự lễ hạ điền, Thế Tôn đã chứng được Sơ thiền, ngồi nhập định dưới tàng cây suốt buổi, có phải đó là sự thật không ạ?

- Đúng vậy này Udaka.

- Thưa Tôn giả Sariputta, nếu sự tình là đúng như vậy thì Thế Tôn đã diệt hết dâm dục từ khi 12 tuổi, sao Thế Tôn có thể lấy vợ là Công nương Yashodara và hạ sinh Sa di Rahula được ạ?

- Này Udaka, thầy có biết gì về 32 tướng đại nhân của Thế Tôn không?

- Thưa Tôn giả Sariputta, con có biết ạ.

- Này Udaka, thầy có biết thế nào là **TƯỚNG ÂM MÃ TÀNG** của Thế Tôn chẳng? Chỉ những **Bạc Bồ Tát** suốt 500 **KIỆP KHÔNG HÀNH DÂM DỤC** thì mới có được tướng Âm mã tàng như thế. Thầy nghĩ đi, chẳng lẽ suốt 500 kiếp Thế Tôn thanh tịnh để rồi kiếp này không thanh tịnh hay sao.

- Thưa Tôn giả Sariputta, con tin Thế Tôn là thanh tịnh, nhưng **SỰ HẠ SINH** của **RAHULA** là từ đâu, con không hiểu nổi.

- Này Udaka, thỉnh thoảng trên thế gian vẫn có trường hợp sinh sản **ĐƠN TÍNH**, không cần sự kết hợp của 2 giống. Ở loài người thì rất hiếm nhưng ở loài vật như rắn, tôm, cá... thì hay xảy ra hơn. **RAHULA HẠ SINH** là **DO TÂM KHÁT KHAO CÓ CON CỦA CÔNG NƯƠNG**

YASHO-DARA, ĐỒNG THỜI để THỎA MÃN yêu cầu của **VUA SUDHODANA** (vua Tịnh Phạn) là nếu Thế Tôn lúc đó có con thì mới được xuất gia. Đây là một **ĐẠI SỰ NHÂN DUYÊN** của trời đất, đủ điều kiện để cho việc **SINH SẢN ĐƠN TÍNH** xảy ra. Về sau này, ai mà cứ nghĩ rằng Thế Tôn đã không thanh tịnh vì đã có con là Rahula, thì những kẻ đó bị tổn phước nặng nề, khó thoát khỏi dâm dục, còn những ai tin rằng Thế Tôn thanh tịnh suốt 500 kiếp cho đến khi giác ngộ dưới cội cây Bồ đề, người đó được công đức lớn, sẽ thoát khỏi dâm dục thường tình.

Tỳ kheo Udaka quỳ xuống chân Tôn giả Sariputa đánh lễ trong nước mắt.

Ở đây ta không nói đến từ Âm Mã Tàng mà đúng ra là Mã Âm Tàng. Cũng không nói đến sự hư cấu cốt truyện. Vấn đề La Hầu La được sanh ra bằng "sinh sản Đơn tính". Thế nào là sinh sản đơn tính? Theo khoa học:

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia:

Sinh sản vô tính là hình thức [sinh sản](#) mà thế hệ con được sinh ra từ một cơ thể mẹ duy nhất, và thừa hưởng các gen chỉ từ cơ thể mẹ đó. Hình thức sinh sản này gần như không liên quan đến số bộ nhiễm sắc thể hay [sự giảm phân](#). Thế hệ con sẽ là bản sao di truyền chính xác của cơ thể mẹ,

ngoại trừ trường hợp đặc biệt là sự tự thụ phấn (thực vật). Một định nghĩa chính xác hơn là **agamogenesis**, là dạng sinh sản mà không cần sự hợp nhất của giao tử. Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản chính của các sinh vật đơn bào chẳng hạn như vi khuẩn cổ, vi khuẩn, và sinh vật nguyên sinh. Nhiều loại thực vật và nấm cũng thuộc dạng sinh sản vô tính.

Có những loại sinh sản **phân tách**, Các sinh vật, bao gồm cả sinh vật nhân sơ (vi khuẩn cổ và vi khuẩn) và sinh vật nhân chuẩn (sinh vật nguyên sinh và nấm đơn bào) đều sinh sản vô tính qua hình thức phân đôi; đa phần trong số chúng cũng có thể sinh sản hữu tính.

Một hình thức sinh sản phân tách khác là đa phân. Sinh sản đa phân ở mức độ tế bào xảy ra ở (sinh vật nguyên sinh, ví dụ: trùng bào tử và tảo. Phần nhân của tế bào mẹ phân chia vài lần bằng sự nguyên phân, tạo ra vài nhân con. Tế bào chất sau đó tách ra, tạo thành nhiều tế bào con.

Sinh sản bằng chồi: Một vài tế bào phân chia bằng cách đâm chồi (ví dụ như men bánh mì), tạo thành dạng tế bào gồm cả "mẹ" và "con". Cơ thể con thì nhỏ hơn cơ thể mẹ. Sinh sản bằng chồi cũng được biết ở mức độ đa bào. Ví dụ như loài thủy tức. Chồi sẽ phát triển thành một cơ thể trưởng thành và cuối cùng tách ra khỏi cơ thể mẹ.

Sự phát sinh bào tử: Nấm và vài loại tảo cũng có thể sử dụng hình thức sinh sản vô tính thật bằng

cách hình thành bào tử, liên quan đến quá trình nguyên phân dẫn đến sự sinh sản các tế bào gọi là mitospore, mà sẽ phát triển thành những các thể mới sau khi phân tán.

Sự phân mảnh là hình thức sinh sản vô tính khi mà một cơ thể mới phát triển từ một mảnh của cơ thể mẹ. Mỗi mảnh sẽ phát triển thành một cá thể trưởng thành đầy đủ. Sự phân mảnh thường thấy ở các sinh vật như động vật (như giun đốt, turbellaria, và sao biển), các loài nấm, thực vật. Vài loài thực vật có cấu trúc đặc biệt để sinh sản bằng cách phân mảnh. Hầu hết các loài địa y, là một liên kết cộng sinh của nấm và các vi khuẩn hay tảo có khả năng quang hợp, sinh sản bằng cách phân mảnh để đảm bảo rằng các cá thể mới đều mang tính cộng sinh. Những mảnh này có thể mang hình dạng như **soredia**, là các cấu tử như bụi có chứa đoạn nối của nấm bao quanh tế bào quang hợp.

Sự phân mảnh vô tính trong các sinh vật đa bào hay cụm là hình thức sinh sản vô tính khi mà một cơ thể tách ra thành các mảnh. Mỗi mảnh này sẽ phát triển đầy đủ thành các cá thể trưởng thành và là bản sao của cơ thể chính. Ở các loài động vật đa gai, hình thức sinh sản này còn được gọi là sinh sản kiểu phân cắt.

Vậy, La Hầu La được sinh sản theo kiểu trùng đẻ hay kiểu thực vật? Có lẽ Chân Quang ảnh hưởng

thuyết sinh sản vô tính mà Kito giáo thuyết về Maria sinh chúa Giê Su.

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia:

Sự đồng trinh của Maria hay **Đức Mẹ đồng trinh** là một tín điều dạy rằng mẹ của Đức Giêsu mãi mãi đồng trinh. Đó là sự đồng trinh trong cả ba giai đoạn: Thụ thai không có sự cộng tác của nam giới, sinh con mà vẫn còn nguyên vẹn, sau khi sinh vẫn còn đồng trinh.

Niềm tin này đã được đưa vào trong mọi bản tuyên xưng đức tin từ cổ xưa. Theo một bản văn có từ đầu thế kỷ thứ 2, người ta đọc thấy [kinh Tin Kính](#) của các [Tông đồ](#) tuyên xưng rằng: "Đức Giêsu Kitô... bởi phép Đức Chúa Thành Thần mà Người xuống thai, sinh bởi bà Maria đồng trinh". Nên tảng [Kinh thánh](#) của tín điều này có thể bắt nguồn từ lời trích trong sách Isaia (7,14) đã được Mátthêu áp dụng cho Đức Maria: "Vì thế, chính Đức Chúa sẽ ban một dấu chỉ. Đây đây một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh một con trai đặt tên là Emmanuen nghĩa là "Thiên chúa ở cùng chúng ta".

Các giáo phụ thời kỳ đầu của Kitô giáo đã công nhận rằng Đức Kitô được thụ thai đồng trinh. Khoảng cuối thế kỷ I, Ignatiô thành Antiokia nói rằng: "Đức Giêsu "thật sự được sinh ra do một trinh nữ". Tiếp sau đó là Justinô (100-165). Các

tác giả của Hội thánh [Công giáo](#) đã nhất trí bênh vực cách giải thích lời sấm của Isaia theo chiều hướng Mêsia vừa nói đã được Mátthêu và Luca hiểu là chính Đức Giêsu.

Truyền thống Kitô giáo còn cho rằng chẳng những Đức Maria mang thai không cần sự giao hợp thể xác, mà trong khi sinh Đức Kitô, sự trinh nguyên của Đức Mẹ về mặt thể lý vẫn không bị hề hấn gì. Khi tu sĩ Jovinianô (chết năm 405) khởi xướng quan điểm cho rằng "Maria đã mang thai nhưng không sinh con", lập tức ông đã bị Thượng hội đồng ở Milan (390) do Thánh Ambrosiô chủ tọa kết án.

Đức Maria vẫn còn nguyên vẹn khi sinh Đức Giêsu hàm chứa trong tước hiệu Maria "trọn đời đồng trinh" đã được Công đồng Constantinopoli II (553) ban tặng. Các học giả như [Ambrosiô](#), [Augustinô](#) và [Hieronimô](#) không đi vào những chi tiết sinh lý học mà chỉ dùng những kiểu nói loại suy để diễn tả chân lý ấy: Đức Kitô đã xuất hiện từ một ngôi mộ đã niêm phong, Đức Kitô đi qua cửa đóng then cài, Đức Kitô như ánh sáng xuyên qua cửa kính, Đức Kitô như tư duy loài người xuất khỏi tâm trí.

Giáo lý Đức Maria vẫn còn đồng trinh sau khi đã sinh hạ Đức Kitô "post partum" đã bị Tertulianô và Jovinianô lên tiếng phản đối, nhưng đã được các Giáo phụ chính thống bảo vệ. Từ thế kỷ 4 trở

đi, những kiểu nói như của Augustinô đã trở nên quen thuộc: "Đức Maria trinh nữ mang thai, Đức Maria trinh nữ hạ sinh, Đức Maria trinh nữ trọn đời".

* * *

Vậy theo Chân Quang, việc sinh sản đơn tính của La Hầu La có khác với việc bà Maria sinh ra chúa Jesus mà vẫn đồng trinh hay không. Cùng niềm tin về Chúa, hệ phái Tin Lành quan niệm về sự đồng trinh của bà Maria như một sinh sản vô tính, nghĩa là không có sự giao hợp giữa hai giới tính. Lần lượt ta sẽ xét dưới góc độ khoa học và đức tin mà Chân Quang đã sai lầm trầm trọng, trong những bài kế tiếp.

MINH MÃN
26/3/2017
(Còn tiếp)

*** ẢO GIÁC - HOANG TƯỞNG - NGÁO ĐÁ (3)**

VẤN ĐỀ CƠ BẢN

Như bài 2 đã phân tích về sinh sản đơn tính. Nay tiếp tục đi sâu để hiểu thêm về sự phân mảnh vô tính trong các sinh vật đa bào hay cụm là hình thức sinh sản vô tính khi mà một cơ thể tách ra thành các mảnh. Mỗi mảnh này sẽ phát triển đầy đủ thành các cá thể trưởng thành và là bản sao của cơ thể chính. Ở các loài [động vật da gai](#), hình thức sinh sản này còn được gọi là sinh sản kiểu phân cắt.

Vậy cơ thể được sanh ra bởi vô tính, sẽ ảnh hưởng toàn bộ cơ thể mẹ, hay nói cách khác là bản sao của cơ thể gốc. Nếu thế, gen di truyền từ mẹ mà La Hầu La thụ hưởng, không liên can gì đến đức Phật Thích Ca. Bảo rằng Thánh tính đã un đúc trong thai bào như thai bào của bà Maria ươm mầm Thánh tính cho Chúa Jesus mà không liên can huyết thống với mẹ, theo một số nhà nghiên cứu Thần học, cho đây là thuộc loại suy diễn, không y cứ theo luận chứng khoa học.

Toàn bộ giáo lý nhà Phật, hoàn toàn y cứ trên tiến trình thực tế, kể cả giới luật, do vậy, không hề

suy diễn viễn vông. Trên cơ bản khoa học, La Hầu La có sẵn hạt giống Thánh tính, thì ít ra, Da Du Đà La cũng mang gen Thánh nữ.

Theo Kito giáo - *Thụ thai không có sự cộng tác của nam giới, sinh con mà vẫn còn nguyên vẹn, sau khi sinh vẫn còn đồng trinh.*

Chân Quang chưa xác định rõ Da Du Đà La có được đồng trinh như thế không, có còn nguyên vẹn sau khi sanh không. Nếu không đề cập rõ như thế, có nghĩa Chân Quang chưa hiểu hết về sự đồng trinh nguyên mẫu như bà Maria, mà chỉ hiểu sinh sản đơn tính là sự đồng trinh nửa vời!

Một quan điểm khá thoáng mà *Lutheran tin rằng Đức Maria đồng trinh khi thụ thai Chúa Kitô nhưng phần lớn cộng đồng Luther cho rằng Mẹ có nhiều con tự nhiên khác và do đó không trọn đời đồng trinh. Điều này dựa trên các trích đoạn nhắc đến các anh chị em của Chúa Giêsu trong Tân Ước* (Ga 2:12; Ga 7:3-5) và mặc dù *Đức Maria không giao hợp với Thánh Giuse trước khi sinh ra Chúa Giêsu (Mt 1:18), nhưng điều đó không có nghĩa là ngài không bao giờ giao hợp.*

Nghĩa là - theo Maria trong Tin Lành thì vẫn chấp nhận Jesus được bà Maria sinh ra, trước đó đồng trinh, sau khi sinh không còn đồng trinh. Tin như thế đã là thực tế 50%.

Kito giáo xác định rằng Đức Chúa Giêsu *"bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Đức Trinh Nữ Maria."* Vậy là tín điều này thoát khỏi lỗi sinh sản phân mảnh.

Còn La Hầu La, Chân Quang không cho phép Chúa Thánh thần truyền thụ vào Da Du Đà La, cũng không ghép vào loại tách chồi, phân mảnh đa bào, vậy là Chân Quang đã đứng ngoài nguyên lý cơ bản của khoa học mà cũng không bị ràng buộc trong tín điều suy diễn. Phải chăng đây là cái nhìn mới mà Chân Quang thấy được từ cõi vô hình, hay Chân Quang lập thành luận thuyết hoang tưởng?

Theo Phật giáo, chúng sanh có bốn loại:

- *thai sanh như người, trâu bò, dê chó.../ - noãn sanh như chim, gà, ngỗng, rắn.../ - thấp sanh còn gọi là nhân duyên sanh, nóng lạnh hòa hợp mà sinh sản như tôm, cá, muỗi, dòi bọ,.../ - hóa sanh như hữu tình ở cõi trời, địa ngục, 9 cõi (cửu hữu): Người và trời cõi dục - trời Phạm chúng - trời Cực Quang Tịnh - trời Biến tịnh - trời Vô tướng - trời Không vô biên - trời thức vô biên - trời Vô sở hữu - trời phi phi tướng (Phật Quang đại từ điển).*

Nếu sinh sản vô tính như loài thấp sanh trong cõi vật thể hữu hình này thì hóa ra La Hầu La thuộc loại nóng lạnh hòa hợp mà có, cùng giòng họ với

tôm cua, cá, muỗi, dòi bọ. Còn sinh sản theo kiểu hóa sanh chỉ có ở cõi trời và địa ngục thì đâu cần có Da Du Đà La, nghĩa là tự nhiên mà hiện ra.

Tóm lại, sinh sản đơn tính theo Chân Quang, không thuộc khoa học, không thuộc tín điều như Kito giáo, không thuộc hóa sanh hay thấp sanh theo nhà Phật, có lẽ đây là phát minh mới mà gần 3.000 năm qua chưa hề ai biết; vượt ra ngoài nguyên lý của cuộc sống. Cho nên mới bảo - **BÍ MẬT SAU HƠN 2500 NĂM MỚI ĐƯỢC HÉ LỘ VỀ CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT** do Chân Quang tuyên bố.

Hãy theo dõi tiếp về nguyên tắc khoa học. **Sự chuyển đổi giữa sinh sản hữu tính và sinh sản vô tính (Wikipedia)**

*Một vài chủng loài chuyển đổi giữa sinh sản hữu tính và vô tính theo chiến lược. Đó là một khả năng đặc biệt, gọi là sự dị giao (heterogamy), tùy thuộc vào các điều kiện. Sự chuyển đổi luân phiên này được thấy ở vài loài luân trùng và một số côn trùng, chẳng hạn như một số loài [rệp](#), sẽ thay đổi trong vài điều kiện nhất định, sinh ra trứng mà không qua giảm phân, do đó tự nhân bản chúng. Loài ong *Apis mellifera capensis* ở mũi Hảo Vọng có thể sinh sản vô tính qua một quá trình gọi là thelytoky. Một vài chủng loài lưỡng cư, bò sát, chim cũng có khả năng tương tự. Ví dụ loài giáp xác nước ngọt *Daphnia* sinh*

*sản bằng phương pháp [trình sản](#) (parthenogenesis) vào mùa xuân để gia tăng mật độ trên các ao hồ. Sau đó chuyển sang [sinh sản hữu tính](#) vì mức độ cạnh tranh và tìm mồi. Một ví dụ khác là loài luân trùng monogonont thuộc chi *Brachionus*, sinh sản thông qua trình sản theo chu kỳ: khi mật độ bầy đàn thấp, những con cái sẽ sinh sản vô tính. Còn khi mật độ bầy đàn cao hơn, một tín hiệu hóa học sẽ tích lũy và gây ra sự chuyển đổi sang sinh sản hữu tính. Nhiều loài sinh vật nguyên sinh và nấm cũng chuyển đổi giữa sinh sản hữu tính và vô tính. Một số thực vật sử dụng cả sinh sản vô tính lẫn hữu tính để tạo ra cây mới, vài chủng loài chuyển đổi từ hình thức sinh sản chính là hữu tính sang vô tính trong nhiều điều kiện môi trường đa dạng.*

Còn một loại sinh sản vô tính, đó là từ ống Nghiệm - Ngày 23/2/1996, các nhà khoa học thuộc Viện Roslin, Scotland thông báo thành công trong việc cho sinh sản vô tính cừu Dolly. Từ đó đến nay đã 10 năm, mặc dù còn nhiều tranh cãi nhưng sự ra đời của cừu Dolly đã hứa hẹn nhiều ứng dụng quan trọng trong cuộc sống nhân loại.

[Bước đột phá đầu tiên.](#) Dù đã mất cách đây nhiều năm, nhưng cừu Dolly đã đi vào lịch sử y học với tư cách là động vật hữu nhũ đầu tiên trên thế giới ra đời bằng từ công nghệ sinh sản vô tính. Việc tạo ra cừu Dolly được thực hiện bằng công nghệ

gọi là "chuyển giao nhân tế bào thân thể".

Theo đó, nhân của trứng sẽ được lấy ra khỏi trứng và được thay thế bằng nhân tế bào của con vật được chọn để nhân bản. Sau đó trứng sẽ được xử lý bằng điện hay hóa chất để chuyển hóa thành phôi trước khi được cấy vào tử cung của con vật.

Từ đó đến nay, các nhà khoa học tiếp tục nhân bản thành công hàng chục loài động vật khác, như bò, dê, heo, ngựa, hươu, la, chuột, mèo, chó, và cả những loài động vật hiếm và đang bị đe dọa tuyệt chủng, như bò hoang Java, mèo hoang châu Phi...

Để tạo ra cừu Dolly, các chuyên gia đã phải trải qua đến 277 lần thực hiện sinh sản vô tính mới thành công. Ngày nay, tính trung bình, cần từ 150 đến 200 lần thực nghiệm để nhân bản được một con vật. Rõ ràng là tình hình có cải thiện, nhưng chưa nhiều...

Người sinh sản vô tính theo phương pháp khoa học: -

Hiện nay, việc sử dụng tế bào mầm đang là một vấn đề đang gây tranh cãi. Nhiều người cho rằng tế bào mầm của bào thai là bất khả xâm phạm. Do đó, tế bào mầm ở người trưởng thành đang được xem là một sự lựa chọn để thay thế. Do còn nhiều điều kiện chưa thuận lợi nên cho đến nay,

vẫn chưa có nhiều trường hợp dùng tế bào mầm để thử nghiệm lâm sàng trên cơ thể con người.

Thế nhưng, điều khiến công chúng quan tâm hơn cả, đó là việc nếu người ta có thể cho sinh sản vô tính một động vật như cừu Dolly, thì liệu có thể tạo ra con người từ sinh sản vô tính không?

NGHIÊN CỨU SINH SẢN VÔ TÍNH Ở NGƯỜI:

Còn dè dặt. Mặc dù nhiều nỗ lực đang được tập trung vào lĩnh vực nhân bản động vật, nhưng các nhà khoa học vẫn quan tâm đến vấn đề sinh sản vô tính ở con người. Có nhiều nhóm chuyên gia trên khắp thế giới đã cố gắng tạo ra những dòng tế bào mầm từ phôi người vô tính nhưng chưa có ai thành công cả.

Người ta vẫn còn nhớ xì-căng-đan liên quan đến ông Hwang Woo Suk, thuộc trường Đại học Quốc gia Seoul.

Ông này từng tuyên bố đã tạo ra những dòng tế bào mầm từ phôi người vô tính, và báo cáo của ông đã được đăng tải trên tạp chí Nature, một tạp chí khoa học uy tín của giới chuyên môn. Rốt cuộc, người ta phát hiện ra rằng nội dung báo cáo đó là sai sự thật.

Không ít người cho rằng nhân bản người là một việc làm trái đạo đức. Theo quan điểm của họ, một phôi vô tính là một mầm sống tiềm tàng của con người, nên việc phá hủy một mầm sống như thế là sai trái. Họ cho rằng việc tạo ra phôi vô tính là một vấn đề rất khó chấp nhận về mặt đạo đức.

2001: Anh trở thành quốc gia đầu tiên hợp pháp hóa các phương pháp nhân bản vô tính con người cho mục đích nghiên cứu.

* * *

Như vậy, việc hạ sinh La Hầu La thuộc loại nào? Chẳng lẽ La Hầu La thuộc loại "thấp sanh" do nóng lạnh mà thành? Nếu La Hầu La được "hóa sanh" như chư Thiên và địa ngục thì đâu phải con người? Chẳng lẽ Da Du Đà La thuộc loại lưỡng tính? Bởi vì theo luận cứ khoa học thì Da Du Đà La không thuộc loại tách chồi, phân mảnh hay chuyển đổi hữu tính sang vô tính theo nhu cầu chiến lược? Cũng không thuộc loại nhập Thần như Kito giáo. Lúc bấy giờ khoa học chưa có kỹ năng tách trứng chuyển thành phôi như ngày nay, La Hầu La cũng không ra đời bằng phương pháp ống nghiệm như ngày nay. Quả đây là loại phát minh mới của một hành giả chìm ngập trong ngũ âm ma mà Phật đã nói với ngài ANan. Sẽ xét sau về bệnh hoang tưởng từ ngũ âm ma lạc dẫn.

* * *

Phân tích về sản sinh đơn tính xong, ta hãy hiểu sơ qua về sinh sản hữu tính: Sinh sản hữu tính (Wikipedia)

Sinh sản hữu tính là một quá trình sinh học tạo ra các sinh vật mới bằng cách kết hợp vật liệu di truyền từ hai cá thể khác nhau của loài. Mỗi sinh vật bố mẹ góp một nửa yếu tố di truyền tạo ra giao tử đơn bội. Hầu hết sinh vật tạo ra hai kiểu giao tử khác nhau. Trong các loài bất đẳng giao (anisogamous), hai giới tính gồm đực (sản xuất tinh trùng hay tiểu bào tử) và cái (sản xuất trứng hay đại bào tử). Trong loài đẳng giao (isogamous), các giao tử là tương tự hoặc giống hệt nhau về hình dạng, nhưng có thể chia tách thuộc tính và sau đó chúng có thể được đặt những tên gọi khác nhau. Ví dụ, trong tảo lục, Chlamydomonas reinhardtii, chúng có các giao tử dạng "cộng" và "trừ". Một vài sinh vật như ciliates, chúng có nhiều hơn hai loại giao.

Nhìn chung, khi một cặp cá thể sinh sản hữu tính, con cái của chúng sẽ thừa kế ngẫu nhiên một allele từ bố và một allele từ mẹ. Những phát hiện về sự di truyền riêng rẽ và sự phân ly của các allele được phát biểu chung với tên gọi Quy luật thứ nhất của Mendel hay "Quy luật phân ly".

Một khi được sinh ra bởi giao hợp từ hai cá thể, chủng tử đó là hậu quả tất yếu mang tính di truyền của cá thể nào mạnh hơn thì đặc tính đó

trội hơn. Đặc tính cá thể còn lại không mất mà ẩn tàng gọi là lặn. La Hầu La dĩ nhiên ảnh hưởng gen di truyền của Đức Phật mạnh hơn nên mới nhập vào Tăng đoàn để là một trong thập đại đệ tử của Phật trở thành Thánh Tăng, vậy ảnh hưởng gen di truyền đó không thể là sinh sản vô tính ở một động vật.

(Khi đức Thế tôn trở về Hoàng cung, La Hầu La theo lời mẹ, chạy lại bạch Phật - Thừa cha, xin cha chia gia tài cho con, Đức Phật xoa đầu La Hầu La, và sau đó, gia tài Thánh chủng được đức Thế Tôn chuyển giao cho La Hầu La trong thập đại đệ tử lúc bấy giờ).

* * *

*Qua lãnh vực phát hiện mang tính "cõi trên" của Chân Quang mà gần 3000 năm mới được tiết lộ. **RAHULA HẠ SINH là DO TÂM KHÁT KHAO CÓ CON CỦA CÔNG NƯƠNG YASHODARA, ĐỒNG THỜI để THỎA MÃN yêu cầu của VUA SUDHODANA (vua Tịnh Phạn) là nếu Thế Tôn lúc đó có con thì mới được xuất gia.***

Công nương Da Du Đa La khát khao do "tính dục" hay khát khao với sự "truyền giống"? Công nương đã có khả năng sinh sản đơn tính thì cần gì đến "tính dục" mà chỉ cần "nhu cầu chiến lược"; phải chăng "nhu cầu chiến lược" đó là **THỎA MÃN yêu cầu của VUA SUDHODANA.**

Theo kinh điển, vua cha được Đạo sĩ già tên Asita (A Tư Đà), ẩn tu trên Himalaya đoán Thái tử sau này "... Thái tử này sẽ chứng:

*Tối thượng quả Bồ Đề
Sẽ chuyển bánh xe pháp
Thấy thanh tịnh tối thắng
Vì lòng từ thương xót
Vì hạnh phúc nhiều người
Và đời sống phạm hạnh
Được truyền bá rộng rãi..."*

(Sutta-Nipata, Kinh tập, 101)

Càng yêu thương quý trọng con, Vua Tịnh Phạn lại càng lo sợ Thái tử sẽ không nối nghiệp ngai vàng, mà sẽ xuất gia tìm đạo như lời tiên đoán của đạo sĩ Asita. Càng lớn lên, Thái tử càng lộ vẻ trầm tư về cuộc sống. Bởi thế, vua cùng triều thần sắp đặt nhiều kế hoạch để giữ Thái tử ở lại với ngai vàng. Vua Tịnh Phạn đã cho xây 3 cung điện nguy nga, tráng lệ cho Thái tử thay đổi nơi ở hợp với thời tiết quanh năm của Ấn Độ. Hàng trăm cung phi mỹ nữ giỏi đàn ca hát múa được tuyển chọn để túc trực hầu hạ Thái tử.

Đức Phật đã đề cập đến quãng đời này trong kinh Tăng Chi I như sau: "... Nay các Tỳ kheo, ta được nuôi dưỡng tế nhị, quá mức tế nhị; các hồ nước được xây lên, một hồ trồng hoa sen xanh, một hồ sen đỏ và một hồ sen trắng... Đêm và ngày, lọng trắng được che trên đầu ta, để tránh xúc chạm lạnh, nóng, bụi, cỏ, sương. Nay các Tỳ kheo, 3 lâu đài được xây dựng cho ta, một cái

cho mùa Đông, một cái cho mùa Hạ và một cái cho mùa mưa... Các vũ công đàn hát múa xung quanh ta..."

Không muốn Thái tử chứng kiến cảnh khổ đau của kiếp sống, không muốn tâm xuất gia của Thái tử tăng trưởng; Thái tử vừa tròn 16 tuổi, Vua Tịnh Phạn vội tiến hành lễ thành hôn cho Thái tử với Công chúa một nước láng giềng - Da Du Đà La - con Vua Thiện Giác, một trang quốc sắc thiên hương, hy vọng sẽ buộc chặt đôi chân của Thái tử ở lại với ngai vàng. Kinh điển rõ như thế, không nơi nào nói do nhu cầu có cháu nội mới cho Thái tử xuất gia.

* * *

Thêm một sai lầm lớn khi sử dụng từ: ***ĐỒNG THỜI để THỎA MẮN yêu cầu của VUA SUDHODANA (vua Tịnh Phạn) là nếu Thế Tôn lúc đó có con thì mới được xuất gia.***

Lúc bấy giờ mới là Thái tử, chưa đi tu làm sao gọi là Thế Tôn, mà đã là Thế Tôn sao lại có con? Mà đã là Thế Tôn thì cần gì bỏ vương cung đi tầm đạo? Và chẳng thấy kinh điển nói đến điều kiện vua Tịnh Phạn đặt điều kiện cho Thái Tử như thế. Có lẽ Chân Quang thay mặt vua cha đặt điều kiện cho Thái Tử trước khi bỏ hoàng cung ra đi!!!

"Về sau này, ai mà cứ nghĩ rằng Thế Tôn đã không thanh tịnh vì đã có con là Rahula, thì

những kẻ đó bị tổn phước nặng nề, khó thoát khỏi dâm dục"

Chả bao giờ ai dám nghĩ Thế Tôn có con hay Thế Tôn không thanh tịnh, vì Thế Tôn đã là Phật rồi; chỉ có Chân Quang mới dám nghĩ thế nên Chân Quang vẫn còn vương nặng vào vòng dâm dục với tập thể Ni chúng và tín đồ.

Những đoạn trên đây, không những hư cấu hoang tưởng sai lệch lịch sử đức Phật mà còn nhận xuống bùn đen do óc hoang tưởng hay cố tình hoang tưởng để làm lệch hướng thực tế về cuộc đời Thái tử cũng như gương sáng của đức Thế tôn.

Phật tự xác nhận ngài không phải là vị Thần có khả năng ban phước giáng họa, không phải là đấng sáng tạo, ngài chỉ là con người mà là con người tự mình thoát khỏi trầm luân, mê lầm của một chúng sanh. Qua lịch sử cho thấy, Thái tử nhìn vợ con lần cuối đang ngủ say, ngài cùng Sa Nặc cỡi ngựa Kiền Trắc vượt khỏi hoàng thành giữa đêm khuya. Việc ra đi như vậy là không có sự thỏa thuận của vua cha và công nương, sao gọi là ***ĐỒNG THỜI để THỎA MẮN yêu cầu của VUA SUDHODANA (vua Tịnh Phạn) là nếu Thế Tôn lúc đó có con thì mới được xuất gia.*** Bề cong lịch sử là một xuyên tạc chứ không phải là một tôn vinh. Nếu xem là một tôn vinh thì là một tôn vinh mù quáng, ác ý để ngoại đạo xuyên tạc đức Phật.

* * *

Toàn bộ bài giảng lâu nay của Chân Quang mang tính hoang tưởng như sự hoang tưởng năm anh em Kiều Trần Như là an ninh chìm do vua Tịnh Phạn cho theo bảo vệ Thái tử lúc tầm đạo; trong khi đó:

"... sau một thời gian, người lại nhận ra rằng không thể tiến bộ thêm nữa. Do đó, Tất Đạt Đa tham gia cùng với năm nhà tu hành ở trong rừng Benares để tu luyện bằng cách hành xác, ăn cực ít và trải nghiệm sự khắc khổ. Từ đó trở đi, người ta bắt đầu gọi hoàng tử Tất Đạt Đa dưới cái tên Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni), nghĩa là “nhà hiền triết của dòng họ Thích Ca”. Sau khi tu luyện như vậy được sáu năm, Thích Ca Mâu Ni phát hiện ra rằng ông chưa đạt được sự giác ngộ nhưng thân thể của ông đã trở nên vô cùng suy kiệt, ông lại từ giã năm vị khổ hạnh đó ra đi tự tìm chân lý".

Chứng cứ thế này, chúng ta hiểu thế nào về sự hoang tưởng gán ghép trái lịch sử của Phật giáo?

Điên còn gọi là thần kinh, một trạng thái không kiểm soát được hành vi, lời nói và suy nghĩ của mình. Đó là một trạng thái kéo dài thời gian, có thể suốt đời, nhưng Ngáo Đá là trạng thái phản kích nhất thời, cũng không làm chủ hành vi của mình trong lúc tác dụng ma túy đá còn luân lưu trong huyết quản, chỉ kéo dài vài giờ. Chân Quang không hẳn thuộc loại thần kinh phân liệt

đưa đến điên, vì còn trí khôn để tìm thế lực dựa dẫm, biết sử dụng đồng tiền đúng chỗ có lợi cho mình, nhưng trong một lúc bốc đồng, máu hoang tưởng tác động ăn nói vung vít, không biết tầm quý, dù vừa phạm trọng giới mà vẫn ăn nói như Thánh. Chúng ta cần thông cảm cho kẻ bệnh hoạn hay cần bảo vệ tiền đồ Phật giáo trong buổi pháp nhược ma cường???

MINH Mẫn
02/4/2017

(CÒN TIẾP)

* **ẢO GIÁC - HOANG TƯỚNG - NGÁO ĐÁ (4)**

NGŨ ẨM MA

Trên đạo trình tu tập, bất cứ pháp môn nào, với mục đích giải thoát khỏi tam giới, hành giả luôn đối mặt với ma lực, lạc dẫn hành giả rơi vào hoang tưởng, tức trở thành công dân của ma đạo. Ngược lại, những tà pháp chuyên về thần thông, không có mục đích giải thoát, quá trình hành tập đều có sự hộ trì của tà Thần, ma quỷ, âm binh, vì vậy người tu luyện sớm thành đạt, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ phản phúc nếu người luyện hết phước hoặc vi phạm vào giới cấm của môn phái đó. Người luyện phép này thường làm chuyện trái nhân quả, đem lại cái hại nhiều hơn cái lợi.

Tại sao có ngũ ẩm ma? Hành giả thiên định, tâm lắng đọng, nghiệp thức bùng khởi, sắc - thọ - tưởng - hành - thức hiển thị trên tầng mức thăng hoa, hành giả bị lạc dẫn vào hoang tưởng chứng đắc. Gọi là ma, thực ra đó chỉ là trạng thức của hành giả, nhưng không thật và sai lầm tạm gọi là ma đối với tâm chân thật, đưa đến loạn thần, bế tắc kinh lạc.

Hãy xem qua kinh Lăng Nghiêm quyển thứ tám

và thứ chín sẽ rõ. **NGUYÊN-DO KHỞI RA CÁC MA-SỰ**

Khi bấy-giờ, đức Như-lai gần chấm-dứt thời thuyết-pháp, ở nơi sư-tử-tọa, vin ghế thất-bảo, xoay về Tử-Kim-Son, trở lại dựa nơi ghế, bảo khắp đại-chúng và ông A-nan rằng:

"Bọn ông là hàng Duyên-giác, Thanh-văn hữu-học, ngày nay, đã hồi-tâm hướng về vô-thượng diệu-giác đạo Đại-bồ-đề, và tôi cũng đã chỉ-dạy phép tu chân-chính; nhưng các ông còn chưa biết những ma-sự nhỏ-nhiệm trong lúc tu-chỉ, tu-quán. Nếu cảnh ma hiện ra, ông không biết được, thì sẽ tu-tâm không đúng và mắc vào tà-kiến; hoặc bị ma ngũ-ẩm của ông, hoặc bị thiên-ma, hoặc mắc quỷ-thần, hoặc gặp lỵ-my, mà trong tâm không rõ, nhận giặc làm con.

Nhân hư vọng sẽ đưa đến quả hư vọng; quá trình tu tập, lấy "tưởng" làm chủ đều là vọng tưởng, vì vậy đức Thế Tôn đã khai thị cho đại chúng và A-Nan như sau:

KHAI-THỊ CHỖ HƯ-VỌNG

"A-nan, xét-rõ bảy loài địa-ngục, nga-quỷ, súc-sinh, người và thần-tiên, trời và A-tu-la như thế, đều là những tướng hữu-vi tối-tăm, giả-dối tướng-tượng thụ-sinh, giả-dối tướng-tượng theo nghiệp; đối với tâm-tính Diệu-viên-minh, bản-

lai không năng-tác, sở-tác, thì đều như hoa-đốm giữa hư-không, vốn không dính-dính; chỉ một cái hư-vọng, chứ không có cội-gốc manh-mối gì.

Trên đạo lộ tu tập mang theo tâm dục, dù là dục về sở đắc, cũng là một chướng ngại, thuộc sở tri chướng. Phật Quang đại từ điển: *Sở tri chướng, thuật ngữ chỉ cho sự tham ái hoặc si mê làm ngăn trở sự giác ngộ; Nghĩa là do sự chấp chặt kiến thức, sở kiến, sở văn của mình, không biết cách xả ly pháp đó, khư khư ôm giữ lấy pháp đó, gọi là sở tri chướng.*

Chỉ chấp trước ở sở chứng chỉ pháp nhị chướng tế kỳ chân như căn bản trí. Hựu tác trí chướng, trí ngại. Vì nhị chướng chỉ nhất, phiền não chướng chỉ đối xung. Vì chúng sanh do ở căn bản vô minh hoặc, toại mê muội ở sở tri chỉ cảnh giới, phú tế pháp tánh nhị thành trung đạo chủng trí chỉ ám chướng ngại, cố xưng trí ngại.”

Nghĩa là:

Sở tri chướng, chỉ sự dính mắc nơi pháp chứng được, làm che mờ chân như, căn bản trí. Còn được gọi là “trí chướng” hoặc là “trí ngại”. Sở tri chướng là một trong hai chướng, chướng còn lại gọi là “phiền não chướng”. Chúng sanh do căn bản vô minh, bị mê muội nơi cảnh giới

của sự hiểu biết, làm che lấp pháp tánh, chướng ngại ở nơi trung đạo chủng trí, cho nên gọi là ‘trí ngại’.

CÁC PHÁP HÀNH

Theo thiền sư Ajahn Brahmavamso:

Thiền là đường lối để thực hiện sự buông bỏ. Khi hành thiền, ta buông bỏ thế giới phức tạp bên ngoài, để có thể vươn đến thế giới an nhiên bên trong. Trong tất cả các hệ thống huyền học và trong nhiều truyền thống, hành thiền được biết đến như là con đường đi đến tâm thanh tịnh và uy lực. Kinh nghiệm về tâm thanh tịnh này, giải thoát ra khỏi thế giới, rất là vi diệu và hỷ lạc.

Vipassana, mật pháp Kim Cang Thừa, mật giáo của Campuchea, Pháp Thiền Borān, Thanh Tịnh Đạo, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Pháp Hành Trì Đức Bồ Tát Địa Tạng, Tứ nhiếp pháp, lục độ, thiền Đông độ (Tổ sư thiền, đại thừa thiền, thoại đầu...) phần văn văn tự tánh, Lăng nghiêm đại định tu chứng viên thông, Lục diệu pháp môn, Tam quán..

Vô số loại Thiền liên quan đến Phật giáo, ngoài ra còn một số Thiền ngoại đạo cũng mang tinh thần giải thoát, tuy không dùng ngôn ngữ nhà Phật, nhưng thấp thoáng tinh thần nhà Phật như Surat Shabd Yoga. Còn những loại Thiền thuộc Yoga, Thiền chuyển luân xa, Thiền xuất hồn,

Thiền thánh thai, luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, thiền khí công, Đạo gia, năng lượng sinh học, Thủy hỏa ký tế, tiểu châu thiên... không đạt đến cứu cánh, nhưng cũng đưa đến các tầng trời từ dục giới đến sắc giới. Những loại thiền dục giới dễ đưa hành giả vào con đường hoang tưởng. Còn những loại tu luyện Thần giáo, ma đạo, tuy không thể gọi là thiền, nhưng chúng cũng cần luyện tập khá công phu, không đòi hỏi tuyệt dục, kết quả nhanh, thu tóm nhiều âm binh được thầy truyền và hỗ trợ một số âm binh theo phò. Số này gồm Thiên linh cái, Năm ông, Lỗ Ban, ma xó, bùa ngãi...

Ma tâm có mặt trong 6 cõi dục. Trong dục giới gồm 6 loại hữu tình sau:

Dục giới - ham muốn về giới tính cũng như khỏi tâm những ham muốn khác.

Trong dục giới có 6 loại hữu tình sau:

- . 1. [Địa ngục](#)
- . 2. [Ngạ quỷ](#)/Quỷ đói
- . 3. [Súc sinh](#)/Loài thú
- . 4. [Loài người](#)
- . 5. [A-tu-la](#)
- . 6. Cõi trời ở dục giới gồm có:

Trời [Tứ thiên vương](#)

Trời [Đao lợi](#) hay trời Ba mươi ba

Trời Dạ-ma hoặc trời Tu-dạ-ma

Trời [Đâu-suất](#)

Trời Hoá lạc

Trời Tha hoá tự tại

Trong 6 cõi dục đều có đủ 6 loại ma, tùy hành trạng tâm thức của mỗi hành giả mà xuất hiện loại ma thức tương ứng hóa hiện.

Thiên ma: Là một loại chúng sinh đăm trước vào sự khoái lạc của bản ngã, thích được tự tại, tự do phóng dật. Thiên ma thì cư trú ở trên trời Tha hóa tự tại; chúng rất sợ người tu thành đạo do đó tìm cách phá hoại người tu, làm trở ngại đường giác ngộ.

Tử ma: Hay là sự chết. Chết cũng làm trở ngại công phu tu hành. Chết làm gián đoạn công phu tu hành miên mật của hành giả.

Ấm ma: Là cảnh giới sinh khởi do hành giả quán chiếu, phá vỡ năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) trong quá trình khai mở Phật tánh. Những cảnh giới này gọi là ma vì nó có thể làm hành giả mê muội, khiến họ rơi lạc vào nẻo tà, hoặc giả rơi vào tay của thiên ma. Ấm ma gồm có 50 thứ (mỗi ấm có mười loại).

Phiền não ma: Phiền não ma gồm có tham sân si mạn nghi tà kiến, v.v... là những tâm thái, che lấp chân tâm, trở ngại sự phát triển của trí huệ.

Vì thế, đức Phật khuyến thị: *Nhưng các ông còn chưa biết những ma sự nhỏ nhiệm có thể xảy ra lúc tu Chỉ (Shamatha) và Quán (vipashyan).*

Nếu các ông không thể nhận ra ma cảnh khi nó hiện ra, là do việc thanh tịnh tâm ý của ông không phù hợp với pháp chân thật, nên bị rơi vào tà kiến.

Nếu ông không thể nhận ra ma cảnh khi nó hiện ra. Khi các ông công phu phương pháp phản văn văn tự tánh (hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh vốn có của mình) thì ma cảnh có thể xuất hiện. Nếu các ông không nhận ra ma và không biết ma là gì, là do việc thanh tịnh tâm ý của ông không phù hợp với pháp chân thật. Vì ông thanh tịnh tâm ý hay “rửa tâm” không đúng, có hơi sai lệch, không phù hợp với chánh tri kiến. Do đó bị rơi vào tà kiến. Nếu chánh tri kiến của các ông không được chân chính (không đúng với chánh pháp) Các ông sẽ bị dính mắc vào ma cảnh.

Như thế quá rõ, một hành giả như Chân Quang luyện Thiên Linh Cái hay tu bất cứ pháp nào, lúc tâm thức đạt đến trạng thái dị thường, cho đó là thật, bị lạc dẫn vào ma cảnh, một loại ma cảnh mà hàng đêm Chân Quang lên đó đem về khai thị cho đạo chúng những bí mật mà 2500 năm chưa hề được tiết lộ, và những gì Phật chưa nói, giờ đây Chân Quang sẽ nói tiếp. Hành động của ma,

bên ngoài cứ như là chơn chánh, nhưng sau đó lộ đuôi đều là tà pháp, không những hàng chục năm qua giảng dạy sai lệch giáo lý, tổ chức nội tự mang tính giáo binh, võ thuật, nội chúng kiểm soát lẫn nhau, mà gần đây, việc phóng sinh, đức đại hồng chung, cài người vào Ban Hướng dẫn Phật tử hướng hoạt động của ban ngành theo sự chỉ đạo của ông ta, đều để lại tai tiếng không ít.

Truyện tranh Nhân Quả cũng như Đỉnh Núi Tuyết đều không dấu được tà ý ma tâm xuyên tạc giáo lý và lịch sử đức Phật. Cái khôn khéo là ông ta kết nghĩa với các chức sắc Phật giáo và mạo nhận giọng họ Hồ lãnh tụ, trong khi các chức sắc không hề hay biết gì về ma tâm của ông ta. Chui lên tới trung ương Giáo hội và chùa Phật Tích trở thành căn cứ địa để Chân Quang hoạt động là một thành công mà toàn bộ Giáo hội không ai làm được.

Sắc giới:

Các vị ở đây thuộc nam tính nhưng đã chấm dứt mọi ham muốn, ăn uống, nhưng còn có khoái lạc. Đây là thể giới của các người trời trong cõi [Thiên](#). Hành giả tu tập thiên định có thể tái sinh trong cõi sắc. Sắc giới gồm bốn cõi, mỗi cõi lại được chia thành nhiều cõi trời khác nhau:

Trời Sơ thiên với ba cõi sau:

Trời Phạm thân

Trời Phạm phụ
Trời Đại phạm
Có hệ thống ghi thêm cõi trời thứ tư của
trời Sơ thiên là trời Phạm chúng

Trời Nhị thiên với ba cõi sau:

Trời Thiếu quang
Trời Vô lượng quang
Trời Cực quang tịnh còn gọi là trời Quang
âm

Trời Tam thiên bao gồm:

Trời Thiếu tịnh
Trời Vô lượng tịnh
Trời Biến tịnh

Trời Tứ thiên gồm có:

Trời Vô vân
Trời Phúc sinh
Trời Quảng quả
Trời Vô tướng
Trời Vô phiền
Trời Vô nhiệt
Trời Thiện kiến
Trời Sắc cứu kính
Trời Hoà âm
Trời Đại tự tại

Có sách xếp trời Vô tướng, trời Vô phiền,

trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu
kính, trời Hoà âm thuộc trời Tịnh phạm
không thuộc về trời Tứ thiên.

Xứ Không vô biên
Xứ Thức vô biên sa.
Xứ Vô sở hữu
Xứ Phi tướng phi phi tướng

Hành giả tu học [Tứ thiên bát định](#) có thể sinh vào
bốn xứ này.

Như vậy, 50 ám ma chỉ xuất hiện trong cõi dục,
vì cõi dục là cõi còn nhiều ham muốn, khi dục đã
không còn thì vào các cảnh trời Sắc giới và Vô
sắc giới, ví dụ một đoạn sau đây đức Phật dạy:

*"A-nan, tất-cả những người tu tâm trong thế-
gian, không nhờ Thiền-na, thì không có trí-tuệ.
Người nào giữ được cái thân không làm việc
dâm-dục, trong lúc đi, lúc ngồi, đều không
nghĩ-nhớ, lòng ái-nhiễm không sinh, không còn
ở trong Dục-giới, thì bản-thân liền được làm
phạm-lữ; một loài như thế, gọi là Phạm-chúng-
thiên. Phạm chúng thiên là cõi trời sắc giới của
sơ thiên. Từ sắc giới trở lên vô sắc, Phật giải
thích rất kỹ từng trạng thái tâm thức để đạt đến
cảnh giới tương ứng với sự hành trì.*

*Tập-quán ngũ-dục đã trừ rồi, tâm ly-dục hiện
ra, vui-vẻ thuận theo các luật-nghị, thì người đó*

liền có thể thực-hành những phạm-đức; một loài như thế, gọi là Phạm-phụ-thiên.

Từ đây đủ hiểu và là thước đo cho những hành giả đang ở mức độ nào của kinh Lăng Nghiêm chỉ rõ: - ***A-nan, ba loài-tốt đó, tất-cả khổ-não không bức-bách được; tuy không phải chân-chính tu phép Tam-ma-đề của đạo Phật, nhưng trong tâm thanh-tịnh, những lầm-lạc của Dục-giới không lay-động được, nên gọi là Sơ-thiên.***

KHAI-THỊ VỀ NGHIỆP-NHÂN

"A-nan, những chúng-sinh đó, không nhận được tâm-tính bản-lai, chịu cái luân-hồi như thế trong vô-lượng kiếp, mà không chứng được chân-tính thanh-tịnh, đó đều do chúng thuận theo những sát, đạo, dâm, hoặc ngược lại ba cái đó, thì lại sinh ra không-sát, không-đạo, không-dâm; có, thì gọi là loài quỷ, không, thì gọi là loài trời; có và không thay nhau, phát-khởi ra tính luân-hồi.

Hành giả chuyên chính về hướng giải thoát thì không còn bị vướng vào danh - lợi - tình, không bon chen địa vị chức quyền, không kinh doanh tích lũy, không nặng về dâm dục; Những bậc long tượng ẩn sâu non cao núi thẳm, giới đức tinh nghiêm, tự phúc báu đó mà quỷ thần bái phục, thiên nhơn tôn kính, làm gì bị tai tiếng chống đối. Trước khi thành đạo, đức Thế Tôn đã trải qua

không biết bao tướng trạng của ma cám dỗ, khủng bố... Thà là tu sĩ chuyên về pháp sự hoằng hóa, một khi bước vào vòng tu luyện đều không tránh khỏi những thử thách của ma quân, tự mình biến thành ma tăng lạc dẫn quần chúng vào cõi địa ngục mà HT Thiền sư Thích Thanh Từ đã thọ ký, và nhiều bậc chân tu, học giả, trí thức đều đánh giá về một Tăng tướng Ma tâm có nguy cơ lung đoạn Phật giáo Việt Nam.

Áo giác - hoang tưởng - điên hay Ngáo đá chỉ là hiện tượng, nhưng thực chất nguy hiểm hơn điên hay ngáo đá, vì điên hay ngáo đá là trạng thái thiếu tự chủ trong nhất thời, nhưng tâm ma luôn biết mình làm gì, biết cách tiến thân, chui sâu, leo cao bằng mọi thủ đoạn, mọi việc làm đều có tính toán. Ma không chế toàn bộ cõi dục 6 nẻo chứ không riêng cõi người. Trong giới hành giả ngũ âm ma luôn là mối nguy hiểm làm cho hành giả dễ sa chân mắc bẫy. Như thế, Ma Tăng là một hiện tượng của ngũ âm ma trong kinh Lăng Nghiêm đã được đức Phật chỉ rõ, đây là bệnh đáng thương như kẻ bệnh điên, hay mọi người là kẻ đáng thương dưới mắt của một ma tăng sắc sảo tinh tế luôn chủ động mọi hành động? Điên không biết dâm, không tham tài, không háo sắc, không thủ đoạn, nhưng ma là loại ma mãnh núp dưới lớp áo nhà Phật mới có đất để thỏa tính dâm, đạt đỉnh danh, thu nhiều lợi tức. Đức Phật **KHUYÊN ĐOẠN-TRỪ:**

"Ông khuyên người tu-hành, muốn được đạo

Bồ-đề, cốt-yếu phải trừ tam-hoặc; tam-hoặc không hết, thì dầu được thần-thông, cũng đều là những công-dụng hữu-vi của thế-gian; tập-khí mê-làm đã không diệt, thì lạc vào đường ma; tuy muốn trừ cái vọng, nhưng lại càng thêm giả-dối; Như-lai bảo là rất đáng thương-xót. Như thế, đều do vọng-kiến tự mình tạo ra, không phải là lỗi của tính Bồ-đề.

Nói như thế ấy, tức là lời nói chân-chính; nếu nói khác thế, tức là lời nói của Ma-vương".

Nếu nhận là chứng bậc thánh, thì có giống ma ngũ-dục vào trong tim gan, một mặt bảo sự dâm-dục là đạo Bồ-đề, dạy các bạch-y bình-đẳng làm việc dâm-dục, những người hành-dâm gọi là trì-pháp-tử; do sức tà-ma nhiếp-phục kẻ phạm-phu trong đời mạt-pháp, số đến cả trăm, như thế cho đến một trăm, hai trăm, hoặc năm sáu trăm, nhiều đến ngàn vạn; khi ma sinh chán, rời-bỏ thân-thể, đã không còn uy-đức, thì sa vào lưới pháp-luật; do gây nghi-ngờ lầm-lạc cho chúng-sinh, phải đọa vào ngục Vô-gián; sai mất chính-thụ, sẽ bị chìm-đắm.

Những gì Chân Quang giảng, nói và viết đều mang tính ma sự, giòng dối của ngũ ám ma, uổng kiếp người mà cứ nghĩ mình đã thành đạt trên lộ trình tâm linh giải thoát; nhân hư vọng thì quả phải hư vọng. Ai đã từng nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm đều thấy rõ trạng thái và vị trí của một ma Tăng; để rồi kết quả khi hết phước, ma sinh

chán, rời bỏ thân xác, thì sẽ sa vào lưới pháp luật một ngày không xa!

MINH Mẫn

13/4/2017

(HẾT)



PHÓNG SANH TỘI VÀ PHÚC

Phóng sanh trở thành một tập quán của những người con Phật, từ lâu lắm rồi đã xuất hiện trên đất nước VN. Phóng sanh được xem như một hành động cứu vớt chúng sanh đang bị cầm tù, đang đi đến con đường chết chóc. Một sinh vật đang lâm nạn, như con vật mắc lưới, đang bị thương tật, tất cả là sự ngẫu nhiên không hề tính toán.

Sau này khi phóng sanh biến thành phong trào, trở thành dịch vụ; một số nơi đặt hàng cho người săn bắt, bán, nhốt... như việc thả gần 10 tấn cá đặt hàng từ bộ Thủy sản, sáng 5/2/2017 (*mồng*

9 tháng Giêng âm lịch). Hàng nghìn người từ các tỉnh, thành đã đổ về bên sông trước cửa đình làng Bát Tràng (*Gia Lâm - Hà Nội*) tham dự lễ phóng sinh do Thượng tọa Thích Chân Quang chủ trì. 8 xe tải chở gần 10 tấn cá đã được phóng sanh.

Theo tin được biết, trước khi Thủy sản cung cấp lượng cá được đặt hàng, Nguyễn Hải Quân, đệ tử T. Chân Quang (*chánh văn phòng BHD Phật tử tại Quán Sứ*) nhờ nhân viên của BHD giới thiệu, bị HT phó BHD (*T. Thanh Điện cư tuyệt*). Thế là qua gặp thầy Tổng thư ký; Bản hợp đồng với Thủy sản được tiến hành.

Chuyện lạ, hàng năm nơi đây đều có tổ chức thả cá, tuy số lượng bằng phân nửa, nhưng đó là việc tự phát của Phật tử. Năm nay do T. Chân Quang chủ trương, tại sao phải kéo Giáo Hội vào làm gì để giáo hội mang tiếng vô lý? Việc làm của cá nhân mà pháp lý Giáo Hội chịu trách nhiệm, phải chăng việc làm này đã có mưu tính?

Khi mà HT Thanh Nhiêu ký giấy cho tay chân T. Chân Quang vào "ngự" ngay văn phòng BHD PT cũng là lúc quý HT phó BHD gặp nhiều khó khăn khi chúng tự ý qua mặt. Cũng may, mỗi khi chúng đưa ra những văn bản tự phát, quý HT phó BHD đều liên lạc lẫn nhau để xác định văn bản đó do ai chủ biên. Trong một lần BHD được chư tôn túc lãnh đạo Ban tổ chức công tác chuyên ngành tại các tỉnh phía Bắc, nhân sự của T. Chân

Quang tuyên bố sẽ được "sư phụ" tài trợ từ A tới Z, nhưng giờ chót, nhờ quý ngài quá kinh nghiệm về sự bất thường, nên đã có phương án dự phòng, vì vậy mà công tác đã không gặp trở ngại khi "sư phụ" của Nguyễn Hải Quân cắt tài trợ.

Cũng như thời gian trước đây khi Bến Tre định tổ chức Hội Thảo về tổ Khánh Hòa, có ông Nguyễn Quốc Tuấn (*viện nghiên cứu Tôn giáo*) tham dự. T. Chân Quang cũng hứa sẽ tài trợ nhưng có điều kiện, vào giờ chót điều kiện không được chấp thuận thì việc tài trợ cũng bị cắt ngay.

Khi được chùa Quang Thọ - Hóc Môn mời về giảng, trước mặt chính quyền và đồng bào, T. Chân Quang hứa sẽ giúp bao nhiêu căn nhà Tình Nghĩa, hỗ trợ mấy trăm suất quà giúp đồng bào vào dịp tết... Thế nhưng vẫn không thực hiện.

Một lần thứ hai về giảng cũng tại chùa Quang Thọ - Xuân Thới Thượng, nhờ BTS PG huyện tìm cho ngôi chùa để về sinh hoạt hợp pháp. Thầy Chánh thư ký huyện bôn ba tìm kiếm, hẹn chính quyền và quần chúng cùng Giáo Hội huyện đến ra mắt thì T. Chân Quang lặn luôn. Còn rất nhiều hành động mờ ám, kể cả khi cố HT T. Thiện Nhơn - Bình Định xây dựng chùa, T. Chân Quang mượn danh để vận động tiền, khi khánh thành, một Việt kiều điện về trực tiếp cho HT báo đã gửi tiền qua tài khoản Chân Quang, HT không hề nghe nói lại.

Từ đó mới biết nhiều hành động không rõ ràng của một giảng sư nổi tiếng. Dĩ nhiên còn rất nhiều vấn đề mờ ám mà mọi người không nghĩ rằng một tu sĩ bình thường có thể hành động chứ chưa nói là một "tổ" khai sơn Thiền Tôn Phật Quang.

Gần đây khi quả chuông do ông Nguyễn Thiện Nhân tài trợ, T. Chân Quang cũng để lại nhiều tai tiếng, nhất là những câu thơ như:

"NGUYỆN TIẾNG CHUÔNG NÀY RẤT LINH THIÊNG AI NGHE RỒI CŨNG "RẤT" ƯU PHIỀN"

Những câu thơ khắc trên Đại hồng chung rõ ràng như thế, không thể nói bị vu khống.

*

* *

Nhà Phật thường nói: - Phật cao một thước, Ma cao một trượng. Phật có thần thông thì Ma cũng không thua kém, chỉ thua Phật cái đức. Chính cái đức đó của Phật mà suốt hàng ngàn năm qua giáo lý và đời sống của đức Thế Tôn không hề bị suy giảm vì tai tiếng. Trái lại, khi Ma hành động, bề ngoài trông y như tốt đẹp, đúng với chân lý, y như sự thật, nhưng bề trái luôn bị lộ những hoen ố của tà mị, luôn bị chống đối bởi những người có trí tuệ. Ma từng hiện tượng Như Lai để gạt chur Thánh chúng đương thời, ngài

Anan tưởng là Phật, liền đánh lễ, Ma phải biến mất.

Những tai tiếng về giới hạnh và lạm dụng uy tín của một số anh em nghệ sĩ để in đĩa làm tiền, đó là chuyện nội bộ để rồi gần 70 Tăng Ni quyết định ra riêng để an tâm tu tập. Nhưng từ khi T. Chân Quang lòn lỏi vào Giáo Hội, cài người vào BHD Phật tử, cũng như vận động vào Ban Hoằng Pháp mà không được. Rồi kết nghĩa với chư Tăng có tiếng, có chức sự trong G.H để mượn oai hùm, mượn uy tín của Giáo Hội để chống lưng cho những mưu đồ bất chánh như vụ thả cá chẳng hạn; từ đó, quần chúng bắt đầu lưu tâm đến những ma mãnh bất chánh mà không một tu sĩ chân chánh nào dám nghĩ, dám làm. Với những việc làm bất minh, T. Chân Quang không bao giờ ra mặt mà chỉ đạo và vạch kế hoạch cho đệ tử tiếp xúc với chư tôn túc trong GH.

Trở lại việc thả cá, phóng sanh. Theo tinh thần từ bi của nhà Phật, phóng sanh là một nghĩa cử giúp những sinh vật bất chợt bắt gặp đang lâm nạn, chứ không thể đặt hàng cho chúng bắt nhốt, rồi mua lại đem đi thả; đó là trò diễn kịch thể hiện tâm từ; tạo thêm tội ác cho người sống bằng nghề đánh bắt để cung ứng cho kẻ đóng kịch phóng sanh. Phước cũng từ phóng sanh mà có, thì tội cũng từ phóng sanh mà thành.

Những năm về trước, chính T. Chân Quang

khuyến khích ăn cá để những con vật đó thêm phước: CÁ SỐNG KHÔNG CÓ MỤC TIÊU CUỘC SỐNG, SỐNG BẦY ĐÀN, KHÔNG BIẾT ĐỌC BIẾT VIẾT, TA ĂN NÓ NÓ SẼ ĐƯỢC PHƯỚC... KHI TA BẮT NÓ LÀ LÀM ĐÚNG MỤC TIÊU ĐỂ CHO NÓ CÓ PHƯỚC... CÁ SỐNG BẦY ĐÀN, KHÔNG CÓ MỤC ĐÍCH, NÓ CHỈ ĐƯỢC PHƯỚC KHI AI ĂN NÓ... NÓ SINH RA CHỈ ĐỂ LÀM THỰC PHẨM. AI CÓ PHƯỚC ĂN NÓ, NÓ SẼ LÀM NGƯỜI, AI QUẬY ĂN NÓ NÓ SẼ BỊ ĐỌA. KHI TA BẮT NÓ LÀ TA LÀM ĐÚNG CHỨC NĂNG CỦA NÓ.

Ngoài cá, còn bao nhiêu sinh vật khác không biết chữ, không có mục đích, đều có quyền ăn để nó có phước???

Ai có phước ăn nó, nó sẽ làm người, ai quậy mà ăn nó nó sẽ bị đọa? Lý luận của tà giáo chứ đạo Phật không có kiểu lý luận Nhân Quả như thế. Nó bị hy sinh mà còn bị đọa là chuyện vô lý. Tóm lại, theo T. Chân Quang, những con vật như loài cá sống không có mục đích, không biết đọc biết viết, con người ăn đều làm đúng chức năng của nó? Vậy phóng sanh là không làm đúng chức năng của nó sao?

Thế mà bày trò phóng sanh, phô trương lên báo chí, phải chăng hành động và lời nói bất nhất của một chánh nhân quân tử?

Khi cứu giúp một chúng sinh nào đó, người có tâm cũng phải làm hết sức lặng lẽ và tế nhị. Chọn nơi vắng vẻ, hay môi trường thích hợp với con vật mình định cứu giúp. Nơi đó con vật phải có cơ hội để sinh tồn và sống sót.

Làm bất cứ việc gì cũng nên đặt cái tâm và sự hiểu biết vào đó chứ không nên làm theo phong trào. Có nhiều người đã bỏ tiền triệu để mua chim phóng sinh nhưng lại cổ vũ việc ăn thú rừng, chim chóc, động vật quý hiếm khác... Khi phóng sanh mà hô hào chẳng khác thông báo cho kẻ đánh bắt chuẩn bị vớt lên rồi bán lại để tiếp tục mua và phóng sanh? Cái trò lẩn quẩn như thế không phải tâm từ của nhà Phật, chưa nói phô trương thanh thế để cầu danh cầu lợi (lúc phóng sanh tại bên sông trước cửa đình làng Bát Tràng - Gia Lâm - Hà Nội đã đặt dãy bàn tiếp nhận tiền của bá tánh).

Cùng một việc làm, tội và phước khác nhau ở tâm niệm. Qua những vụ tai tiếng này (chưa nói đến loài cá độc hại hay không), không thể bác bỏ việc phóng sanh, có nghĩa bác bỏ hành động thể hiện tâm từ khi cứu một sinh vật, nhưng cũng không khuyến khích kiểu phóng sanh phô trương như thế, không có đơn đặt hàng trước như T. Chân Quang đã làm.

Ngoài việc cứu mạng một sinh vật đúng nghĩa, còn tạo cho người làm thiện được một tâm thái thanh thản, an lành, ngược lại phóng sanh theo

phong trào thì sự thanh thản tâm hồn là tự đánh lừa mình trước bao sinh mạng bị nhốt rồi thả, thả rồi nhốt.

Hòa thượng Thích Gia Quang, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Thông tin – Truyền thông Trung ương Giáo Hội Phật giáo Việt Nam cho rằng, trong đạo Phật phóng sinh là truyền thống tốt đẹp, thể hiện tôn trọng sự sống của mọi loài.

Theo Hòa thượng Thích Gia Quang, đạo Phật không có quy chuẩn hay quy định cụ thể về việc phóng sinh. Còn người phóng sinh phải tự biết làm như thế nào để có lợi cho sự sống của loài khác.

“Việc phóng sinh những loài mà làm ảnh hưởng đến môi trường, đến sự sống khác thì mình cũng không nên và phải tránh”, Hòa thượng Thích Gia Quang nêu rõ.

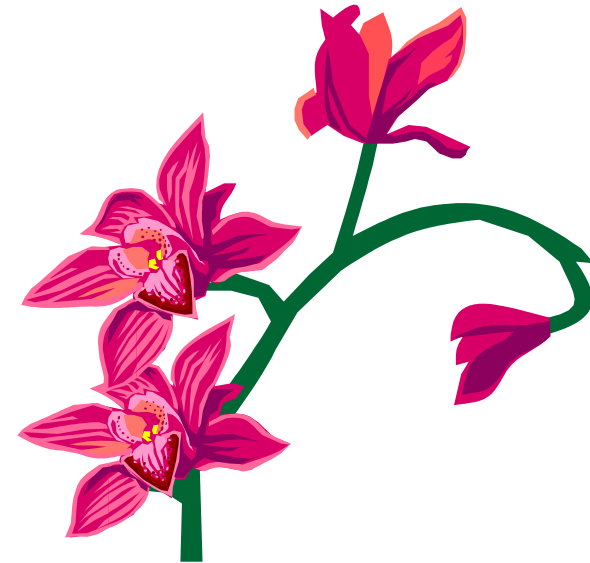
“Trong hiện tượng phóng sinh chim, cá..., ta thấy tất cả sự ngu muội, gian dối và độc ác của con người, dưới vỏ bọc “niềm tin”!

Kẻ bắt giết có tội lỗi của người bắt giết... Đó là kiểu lý luận “sống chết mặc bay” mà không nhìn thấy sự liên đới chặt chẽ giữa hai sự việc ấy. Chỉ vì ham muốn phóng sinh mà ta đã lập một con đường tạo nghiệp ác cho người khác”.

Mong quý Phật tử cân nhắc khi phóng sanh, lúc phóng sanh cũng không cần phải đợi đem đến chùa nhờ thầy chú nguyện, thời gian kéo dài là thời gian làm giảm sinh lực của con vật. Có tâm cứu mạng làm ngay tại chỗ hoặc đem đến nơi thích hợp để con vật không bị bắt lại. Có thể mới là phóng sanh, bằng không trở thành phóng tử kèm theo tội lỗi, những đồng tiền phóng sanh trở thành tội, thà giúp cho bao người bệnh hoạn hiểm nghèo trong xã hội hiện nay, hoặc những gia cảnh không đủ sống.

Sau khi tai tiếng trên báo đài, trang mạng, nhà nước đã cho Bộ Thủy Sản và Tài nguyên Môi trường vào cuộc để làm giảm nhiệt. Đồng thời, đệ tử của T. Chân Quang là T. Nghiêm Giám cho rằng số cá thả không hề độc hại, dĩ nhiên phải nói như thế và hai bộ chuyên ngành cũng không thể nói khác.

MINH MÃN
19/02/2017



HIỂU VỀ NHÂN QUẢ (1)

Nhân - quả là một hệ luận diễn tiến khá chặt chẽ, đành rằng nhân-quả tương tục, nhưng không chỉ đơn thuần nhân nào quả đó một cách đơn giản; ví dụ anh A bị anh B làm khổ vì kiếp trước anh B làm khổ anh A. Nếu truy nguyên mãi người này làm khổ người kia do người kia làm khổ người này, cứ lòng vòng kéo dài mãi thì nguyên nhân đầu tiên do ai và tại sao?

Theo Đại Tỳ đĩnh Phật Quang thì: " Trong hệ thống giáo nghĩa của Phật giáo, luật nhân quả sử dụng như là lý luận cơ bản để thuyết minh tất cả sự quan hệ của thế giới. Bởi vì trong sự hình thành của hết thảy các pháp thì nhân là năng sinh, quả là sở sinh. Tức là pháp nào có năng lực sinh ra kết quả là nhân, còn pháp nào từ nhân mà sinh ra là quả. Nếu nói về quan hệ nhân quả theo thời gian thì nhân trước, quả sau, thì gọi là nhân quả khác thời. Nhưng nếu nói về mặt không gian thì giống như những cây lau trong bó lau nương tựa vào nhau mà đứng vững, đó là quan hệ nhân quả theo nghĩa rộng, gọi là nhân quả cùng thời.

Về luận điểm nhân quả của ngoại đạo ở Ấn độ thời xưa, có thể chia làm 4 loại: "nhân tà - quả tà, không nhân có quả, có nhân không quả, không nhân không quả".

Theo Tỳ đĩnh Phật học Tuệ Quang: thì nhân quả gồm có: "nhân quả bất vô, nhân quả bất nhị môn, nhân quả lịch nhiên, nhân quả tương tục, nhân quả tỷ lệ, nhân quả báo ứng".

Cho dù phân tích chi li thì vẫn tựu chung nhân nào quả đó, đó là cách nói chung chung, nhưng đi sâu vào chi tiết khó mà quả quyết, ví dụ trong tập truyện tranh Nhân quả của Thích Chân Quang viết:

Không thể cả quyết dùng tay làm điều ác độc sẽ đọa làm loài không tay, chẳng lẽ tất cả loài không tay hay con người sanh ra không có tay đều do làm điều ác độc? kẻ giết người cũng làm điều ác độc, vô vàn cách làm ác kết quả cũng chỉ làm loài không tay sao? Trong luật nhân quả của nhà Phật, có ba loại nhân đưa đến ba loại quả: cố ý ác tâm mà không hành động; hành động mà không cố ý, hành động có tác ý. Như vậy dùng tay làm điều ác mà tâm không tác ý, đều là loài không tay sao? và lại, không tay còn nhiều nguyên nhân, chặt tay chân chúng sanh, sanh tâm hoan hỷ khi thấy hoặc xúi dục người chặt tay chân chúng sanh..., dĩ nhiên một hậu quả xấu xảy đến do nhiều nguyên nhân chứ không chỉ đơn thuần một nhân.

Nhân phải có duyên hỗ trợ mới thành quả. Luận Câu Xá phân tích có 6 nhân và 4 duyên: Năng tác nhân, câu hữu nhân, tương ứng nhân, đồng loại nhân, biến hành nhân và dị thực nhân. Bốn duyên là: Nhân duyên, sở duyên duyên, đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên.

Như vậy nhân là hạt giống, duyên là những gì hỗ trợ bên ngoài để hạt nhân nảy mầm phát triển. hạt giống cần có đất, phân, nước và ánh sáng thì nghiệp nhân cần có duyên từ cuộc sống cá nhân, tập thể và xã hội hỗ trợ mới thành quả báo.

Việc xem một hiện tượng rồi kết luận đưa đến quả báo cố định là không đúng với giáo lý nhà

Phật, mang tính chất chủ quan hàm hồ, là có để ngoại đạo xuyên tạc giáo lý nhân quả uyên thâm của nhà Phật. Giáo lý nhân quả của Phật giáo là một hiện tượng khách quan đương nhiên, dù có Phật ra đời hay không thì nhân quả không hề thay đổi.

Những hiện tượng xảy ra tương thích với hạt nhân đã gieo thì chỉ có chính đương sự cảm nhận và chuyển hóa từ tâm thức. Trong khi giáo lý Thần học quan niệm: "cọc lông sợi tóc trên đầu rơi xuống không ngoài ý muốn của Thượng đế" Đạo Baha'i quan niệm: "nếu sự xấu đến với ta mà tự do ta gây ra thì đương nhiên ta phải hứng chịu. Nhưng điều không may mắn đến không do ta làm ra thì chắc chắn đó là Ý chí của Đấng Tối cao và người Baha'i vui vẻ nhận lấy và tạ ơn, ví như các bậc phải chịu tử đạo để bảo vệ đức tin, hoặc cha mẹ sinh em bé nhưng em bé chết ngay thì người Baha'i tin đó là Ý chí của Đấng Tối cao.

Tóm lại, một quả báo xấu thì chắc chắn là nguyên nhân xấu, nhưng không thể nguyên nhân xấu sẽ đưa đến quả báo tương ứng mà còn do duyên từ hoàn cảnh hỗ trợ mà biến cách khác nhau. Ví dụ giống xoài ngọt ở miền Tây, đem trồng trên cao nguyên, chắc chắc hương vị phải khác. Mít Long Khánh ngon hơn mít Mỹ tho, cùng loại giống nhưng hương vị khác, phải chăng do đất nước của mỗi vùng. Chuối Tiền giang mắc hơn chuối Long Khánh do đâu?

Từ đó ta hiểu rằng nhân như vậy, duyên như vậy sẽ ra quả như vậy. Nhân như vậy mà duyên sai biệt sẽ đưa đến quả sai biệt. Tốt sai biệt theo tốt, xấu sai biệt theo xấu.

Một giảng sư cần cần trong không nên chủ quan đưa cái hiểu cá nhân không y cứ vào giáo lý sẽ dân dắt chúng sanh mù quáng lạc vào vô minh.

MINH MÃN

05/02/2017

*(Mùng 9 tháng **giêng** Đinh Dậu) (còn tiếp)*



HIỂU VỀ NHÂN QUẢ (2)

"Dục tri tiền thể nhân-kim sanh thọ giả thị - dục tri lai thể quả - kim sanh tác giả thị". -muốn biết nhân trước đây, hãy xem đời sống hiện tại, muốn biết quả kiếp sau, hãy xem hành động hiện tại.

Đó là cách nhận xét chung chung. Đời sống hiện tại sung túc đầy đủ do nhân quá khứ bố thí giúp đỡ chúng sanh, hoặc tiết kiệm phẩm vật, xài tiền chính đáng, không phóng dăng, vung tiền qua cửa sổ...như vậy rất nhiều nguyên nhân đưa đến quả hiện tại. Chỉ trừ người cực thiện hoặc cực ác mới không đầu thai kiếp người; cực thiện lên cõi trời, cực ác xuống địa ngục.

Mang thân người hiện tại, nhân quá khứ có cả thiện lẫn ác. Nếu thiện nhiều hơn ác thì cuộc sống tương đối thoải mái, ác nhiều hơn thiện thì cuộc sống khốn đốn vất vả. Thiện cũng tùy theo thiện, thiện do bố thí cúng dường, thiện do phục vụ chúng sanh vô ngã, thiện do cứu vớt mọi sinh vật đang lâm vào cảnh chết chóc hoặc đói khổ, thiện do tu tập chân chánh, thiện không hề sát sanh... Muôn hình vạn trạng việc thiện thì cũng sẽ có quả báo tương ứng cái thiện, nhưng còn tùy thuộc các duyên tiếp cận mà quả báo thiện có sai biệt, thế thì đừng nhìn thấy kẻ giàu sang bảo là duy nhất do kiếp trước bố thí cúng dường. Cái ác cũng thế, do hình thức tạo ác quá khứ, gặp trợ duyên hiện tại, quả báo có thể sai biệt. Nếu quá khứ tạo ác, hiện tại tu tập chuyên cần, quả báo ác không có dịp phát triển, thì nó sẽ xuất hiện trong con ác mộng, đó là cách trả quả nhẹ cho những hành giả chuyên tu tinh tấn. Hoặc giả nếu hành giả trong một thời khắc lơ đãng thiếu chánh niệm thì quả báo sẽ đến dưới bất cứ hình thức nào, minh chứng rõ nét trong kinh Từ Bi Thủy

sám mà ngài Ngô Đạt Quốc sư, sau khi sát hại đồng nghiệp, do ăn năn hối lỗi, chuyên tu tinh tấn suốt nhiều đời nên oan hồn không theo báo oán được, đến khi được nhà vua thỉnh giảng trên pháp tòa sang trọng, khởi tâm vọng tưởng liền bị oan hồn nhập vào đầu gối làm thành mặt người, đau đớn vô cùng, nhớ lại lời một Thánh tăng căn dặn trước kia, ngài lên núi tìm giòng suối mà rửa oan, chuẩn bị rửa thì mụt ghẻ mới nói nguyên nhân ngài bị mụt ghẻ nơi đầu gối, ngài ăn năn sám hối, hồi hướng công đức cho oan hồn, từ đó oan gia mới chấm dứt. Như vậy nhân giết người không hẳn sẽ bị người giết lại, quả báo còn do ngoại duyên và nội phúc mà chuyển quả báo qua hình thức khác; đây không phải là lối bù trừ kiểu vay mượn mà do phước lực chuyển hóa nghiệp lực. Một giảng sư nổi tiếng có hàng vạn đồ chúng từng giảng cho thính chúng theo kiểu bù trừ như vậy, nếu tạo phước 5 mà nghiệp ác 10 thì phước hết mà nghiệp ác chỉ còn 5. Đây là lối suy diễn của đầu óc thể tục tính toán theo kiểu vay mượn.

Tội hay phúc từ tiền kiếp, kiếp này không hẳn trả quả hay hưởng phước một cách máy móc mà còn tùy điều kiện sinh hoạt của đương sự có tạo thêm tội hay gia tăng làm phước, do y báo nơi điều kiện của xã hội thì quả báo sẽ được chuyển hóa dưới một hình thức nặng hoặc nhẹ khác nhau. Trong tập tranh nhân quả quyển 1 của T. Chân Quang có nêu: Thái độ yêu quý tôn trọng mọi người thì gương mặt khả ái phúc hậu; Thọ nhiều

ân nghĩa-nặng lòng nhớ thương; Thọ nhận tài vật bất chính, liên lụy tai họa với người ta; khinh chê người quá đáng, bệnh độc không ai dám lại gần; bất hiếu với cha mẹ, mồ côi sớm; Trong truyện tranh nhân quả số 3: Thấy người bị hoạn nạn mà không giúp - Bị mù; biết người oan ức không bênh vực - bị câm; nghe người khó khăn nhưng làm lơ - bị điếc; miệng không nói nhưng trong lòng hay chê người- bị tai biến mất trí; không trung thành, đọa làm chó để học lại sự trung thành. quyển 4: Tôn kính cúng dường bậc thánh - đắc đạo cao siêu; khuyên người làm phước hành thiện - sau này người kia hưởng phước chia sẻ lại cho mình; Người hay giảng dạy về nhân quả chuẩn xác - được sinh lên trời; bắt công nhân đứng làm suốt ngày - bị liệt chân; tôn trọng mọi người - tài năng của thiên hạ dồn về mình.

Qua 4 cuốn truyện tranh của T. chân Quang, có lẽ đương sự suy diễn theo cảm tính thế gian hơn là đặt trên căn bản giáo lý nhân quả của nhà Phật. Nếu là tâm lý xã hội thì chấp nhận được, nhưng đôi khi quá thừa không cần thiết, ví dụ quyển 2: **xả nhiều xả bông, thuốc tẩy xuống ao hồ - nhà ở trong vùng nước hôi**, đó là chuyện đương nhiên cũng như người ở quá dơ sẽ sanh ghẻ vậy.

Lần lượt ta phân tích một số đoạn tiêu biểu: "**Thái độ yêu quý tôn trọng mọi người thì gương mặt khả ái phúc hậu**"; Nhưng chư Tăng

dạy cúng dường hương hoa, tâm hồn luôn vui tươi, hoan hỷ trước mọi nghịch cảnh, không đố kỵ ganh ghét..., thì phước báu hiện qua khuôn mặt chứ không hẳn chỉ yêu quý tôn trọng mọi người.

"Thọ nhiều ân nghĩa-nặng lòng nhớ thương" đây chỉ là tâm lý xã hội không thuộc nhân quả nhà Phật.

"Thọ nhận tài vật bất chính, liên lụy tai họa với người ta" làm sao biết tài vật đó bất chánh nếu họ không nói, chỉ có kẻ trong cuộc đồng phạm thì mới liên lụy theo luật pháp chứ không phải nhân quả theo nhà Phật.

"khinh chê người quá đáng, bệnh độc không ai dám lại gần". Cái này phải xét lại.

"bất hiếu với cha mẹ, mồ côi sớm" chứ không phải sau này bị con bất hiếu lại sao? Tách rời mẹ con, đàn bầy, hay giết khỉ mẹ bắt con, bắt cóc trẻ con..., đều là nhân lãnh hậu quả mồ côi. Tóm lại rất nhiều nguyên nhân chứ không chỉ bất hiếu.

"Thấy người bị hoạn nạn mà không giúp-Bị mù" Vậy là hàng vạn người bị mù đều là hàng vạn người thấy người hoạn nạn mà không giúp? cũng thế - **"biết người oan ức không bênh vực-bị câm; nghe người khó khăn nhưng làm ngo-**

bị điếc". Đây chỉ là lối răn đe, giáo dục xã hội chứ không chỉ thuần về nhân quả của nhà Phật.

"miệng không nói nhưng trong lòng hay chê người - bị tai biến mất trí"; "Vậy số người bị tai biến hiện nay trên toàn thế giới không phải do thực phẩm độc hại, do môi trường sống, mà đều do trong lòng chê người?"

"không trung thành, dọa làm chó để học lại sự trung thành". Chuyện kể vào thời Đức Phật đi khất thực đến nhà người Bà La Môn, chó trong nhà cứ sủa, Phật mới cho gia chủ biết kiếp trước con chó này là người chồng trong nhà chôn giấu hũ vàng dưới gầm giường nên phải dọa làm chó để giữ của. Theo C.Q thì ai không trung thành đều dọa làm chó hết???

"Tôn kính cúng dường bậc thánh - đắc đạo cao siêu." Vậy ai muốn đắc đạo cao siêu, khỏi cần tu tập, cứ cúng dường các bậc Thánh, và nếu như vậy, chỉ có những đại gia, những nhà giàu mới đủ điều kiện để đắc đạo cao siêu???

"khuyên người làm phước hành thiện - sau này người kia hưởng phước chia sẻ lại cho mình". Giống kiểu hùn vốn kiếm lãi, góp gạo nấu cơm chung của thế tục. Chuyện khuyên người làm phúc hành thiện là phước của việc khuyên người làm việc thiện, còn người được khuyên có hành hay không, hành nhiều ít là tùy

người đó, chả lẽ khuyên làm thiện mà họ không làm rồi mình cũng mất phước sao???

"Người hay giảng dạy về nhân quả chuẩn xác - được sinh lên trời" thế người giảng dạy về nhân quả không chuẩn xác thì về đâu? Địa ngục!

"bắt công nhân đứng làm suốt ngày - bị liệt chân;" đây là lối hù dọa của chế độ cộng sản thời tiền sử. Ngày nay công nhân làm theo hợp đồng, tăng ca đều hưởng lương phụ trội. không ai lợi chẳng ai thiệt thì sao phải liệt chân. Vậy là bao nhiêu người liệt chân đều bắt công nhân làm suốt ngày!!! Bó tay.

"tôn trọng mọi người- tài năng của thiên hạ dồn về mình." Vậy là khỏi học tập, khỏi rèn luyện, cứ việc tôn trọng mọi người thì tài năng của họ dồn hết về cho mình? lý luận phản nhân quả, các giảng sư nghe xong chắc muốn bỏ nghề giảng sư, vì đã có một giảng sư quá cao siêu như thế đang đầu độc quần chúng.

Còn rất nhiều điều để phân tích cái nguy hiểm hiểu nhân quả như vậy, mất thì giờ nên tạm ngưng phân tích. Tuy nhiên nếu thuần tâm lý xã hội thì 4 quyền nhân quả góp phần răn đe cho giới bình dân, còn giới trí thức thì mỉm cười bái bai.

Trong đời người không ai chỉ thuần thiện hoặc thuần ác ngoại trừ bậc Thánh. thế thì giả thử một

người làm 50% thiện và 50% bất thiện thì họ đi về đâu, cuộc sống họ sẽ như thế nào? Dĩ nhiên khi thọ ác báo thì không thể nói quá khứ họ chưa từng làm việc thiện, chỉ nhìn thấy họ thọ nạn mà bảo là họ từng làm bất thiện, vậy việc thiện họ đã làm thì để đâu? Nhân quả không đơn thuần nhìn hiện tượng mà kết luận như đinh đóng cột.

Dưới nhãn quang nhân quả của nhà Phật, nhân quả trùng trùng duyên khởi, đó là vấn đề cần cân trọng mà không nên phát biểu tùy hứng. Còn nhiều vấn đề phức tạp ta cần bàn sâu hơn nữa.

MINH MÃN
07/02/2017 (CÒN TIẾP)

HIỂU VỀ NHÂN QUẢ (3)

CÓ NHÂN MÀ KHÔNG CÓ QUẢ

Như ta đã biết, NHÂN QUẢ là một hệ thống phức tạp, đa dạng và biến thể; không thể dùng suy luận thế tục để kết luận về NHÂN QUẢ, cũng không thể giảng về NHÂN QUẢ mà không được nghiên cứu kỹ, thiếu tu tập. Do nghiệm chứng từ tâm thức mà vấn đề NHÂN QUẢ sẽ được hiểu một cách mạch lạc. Tuy vậy, câu nói NHÂN nào QUẢ đó chỉ là câu nói chung chung, nếu hiểu rằng, đôi khi có NHÂN nhưng không có QUẢ, thì sẽ thấy luật bất biến đôi khi cũng phải tùy biến.

Trong trang Fb của Chân Quang, nặc danh Trần Chánh Giới viết về NHÂN QUẢ của việc bố thí như sau:

**"Trần Chánh Giới
1 tháng 2 lúc 19:41**

Bố thí

Theo luật nhân quả, người có bố thí sẽ được giàu sang. Nhưng sự thật phức tạp hơn nhiều.

Nếu ta bố thí, hay dùng từ khác là giúp đỡ, hỗ trợ, cúng dường, tặng biếu, đến với người tốt,

rồi người tốt đó sẽ làm nhiều việc tốt cho đời, và như vậy ta sẽ có phước để dành cho mai sau (kiếp này hoặc kiếp sau).

Nhưng nếu ta bố thí nhằm người xấu thì có hai điều xuất hiện. Một là người xấu đó mắc nợ ta, hai là người xấu đó đi làm việc xấu và ta bị tội lây. Cái tội này cản trở bớt số phước mà ta đang tích lũy.

Nếu ta có quá nhiều phước thì ta cứ bố thí rộng rãi vì lỡ bố thí nhằm người xấu có bị cản trở chút phước cũng chẳng sao, và người xấu đó mắc nợ mình sẽ nghe lời mình khuyên bảo.

Nhưng nếu ta chưa có phước nhiều, bố thí nhằm người xấu, bị cản trở vào chút phước ít ỏi đó là tiêu luôn. Vì vậy, ta rất cần thực hiện bố thí để tạo phước cho kiếp sau, nhưng phải cân nhắc rất kỹ để đừng ảnh hưởng đến quỹ phước của mình.

Ban đầu làm phước phải chọn người rất kỹ, người càng tốt thì ta ráng "nịnh" để phụ giúp hỗ trợ mà càng có phước. Sau này phước dư dả rồi thì giúp ai cũng được.

Nhớ là ta phải bòn mót từng chút phước để tu trong vô lượng kiếp sau, và để hóa độ chúng sinh nữa."

Qua hai bài hiểu về Nhân Quả, đã giúp ta có ý niệm sự vận hành của LUẬT NHÂN QUẢ. Nhân Quả không phải là một công thức cố định, nó chuyển biến, bất định; nó không phải là cái khuôn đúc ra sản phẩm nhất định mười cái như một. Vì vậy, cùng một việc tốt, kết quả khác nhau trong một thời điểm khác nhau, do duyên hỗ trợ thuận hay nghịch khác nhau, và hạt giống tâm thức của đương sự lúc bấy giờ ở một trạng thái quyết định.

"... Nhưng nếu ta bố thí nhằm người xấu thì có hai điều xuất hiện. Một là người xấu đó mắc nợ ta, hai là người xấu đó đi làm việc xấu và ta bị tội lây. Cái tội này cản trừ bớt số phước mà ta đang tích lũy..."

Đây là lối suy diễn của thế gian, nếu người xấu thọ nhận ơn của ta mới mắc nợ ta, thì người tốt thọ ơn họ không mắc nợ sao? Vả lại, việc ta bố thí là phước của ta, kẻ thọ ơn làm việc xấu là việc của kẻ đó, làm sao liên can đến ta mà bị tội lây? Ngay cả thế gian, kẻ thọ nhận ơn ta, họ phạm pháp thì nhà nước xử việc phạm pháp, làm sao liên can đến người giúp đỡ cho họ cuộc sống? Trên thế gian này đa phần con người đều phạm phải ít nhiều sai lầm, và ít nhiều chịu ơn lẫn nhau, vậy là tất cả đều bị tội lây lẫn nhau?

Giả thử bố thí cho con vật, nó không biết làm ác, cũng không biết làm thiện, chả lẽ ta cũng lãnh

quả báo vô ký của nó?

"... Cái tội này cản trừ bớt số phước mà ta đang tích lũy..."

Một giảng sư hướng dẫn Phật tử về Nhân Quả của việc bố thí như thế cuộc cờ bạc cản trừ nợ nần lẫn nhau như thế, đã kéo giáo lý Nhân Quả xuống một tầng thấp thế tục, chẳng khác nào xuyên tạc giáo lý nhà Phật. Phước là phước, tội là tội, không thể cản trừ lẫn nhau. Có ai phước bằng Phật, nếu cản trừ được thì Phật không bao giờ bị nạn như bị voi say tấn công, bị kim mã thương, bị phải ăn lúa ngựa trong ba tháng (mã mạch).

Thần thông đệ nhất như ngài Mục Kiền Liên còn không tránh khỏi bị ngoại đạo truy sát. Nhân quá khứ chỉ được chuyển hóa dưới một dạng thức nhẹ nếu đương sự dày công và tinh chuyên tu tập chứ không thể cản trừ như loại cản trừ nợ nần cờ bạc như thế. Như thế mới thấy trình độ giáo lý Nhân Quả của Chân Quang còn ấu trĩ hơn một Phật tử thuần thành.

Một Nhân được gieo, nhưng không đủ duyên thuận thì cũng khó mà thành quả. Hạt giống không thể nảy mầm nếu thiếu phân bón, đất nước, ánh sáng, tay người chăm sóc..., và cũng không thể thành quả nếu nghịch duyên đưa đến như bị cây xói, lửa đốt, nước trôi, phá hủy... Tuy nhiên, nếu hạt nhân chắc chắn, một thời gian lâu

sau gặp đủ duyên nó cũng tái phát. Trường hợp này gọi là "NHÂN QUẢ SANH THỜI". Nếu Nhân và Quả trở cùng một lúc như đánh trống nghe tiếng, hoa sen nở xuất hiện luôn hạt... Trường hợp này gọi là "NHÂN QUẢ ĐỒNG THỜI". Nhân tạo ra một thời gian sau có quả như trồng cây có trái, gọi là "NHÂN QUẢ DỊ THỜI".

Ngoại trừ đại phước hoặc tuệ giác giải thoát, quả báo tốt sẽ tăng trưởng thêm, quả báo xấu sẽ được chuyển hóa nhẹ nhàng. Ví như hạt muối hòa trong khối nước ngọt, muối sẽ bị loãng. Việc chuyển hóa không thể là sự cản trở nợ như Chân Quang giảng cho tín đồ. Nghĩa là quả báo vẫn phải trả dưới một hình thức tượng trưng.

... "Nhưng nếu ta chưa có phước nhiều, bố thí nhằm người xấu, bị cản trở vào chút phước ít ỏi đó là tiêu luôn. Vì vậy, ta rất cần thực hiện bố thí để tạo phước cho kiếp sau, nhưng phải cân nhắc rất kỹ để đừng ảnh hưởng đến quỹ phước của mình."

Theo tinh thần giải thoát của nhà Phật, làm phước, bố thí còn nghĩ đến phước báu mai sau là còn tính toán, là phước hữu lậu. Việc cản trở phước - tội lẫn nhau đã là quá sai mà còn khuyên tín đồ bố thí để tạo phước cho kiếp sau là không đúng với lời Phật dạy.

Kinh Thánh, Chúa cũng nói: *"Tay phải làm*

việc thiện không cho tay trái biết", đây chỉ là tín ngưỡng nhân thừa mà còn khuyên tín đồ như thế thì đạo Phật là đạo vô ngã, vô chấp, thương thừa, Phật thừa..., lại khuyên làm phước cho kiếp sau là thế nào?

Thế nào là có nhân mà không có quả? Người đã gieo nhân bất thiện trong quá khứ, nhân nào nặng nhất sẽ trở quả mạnh nhất. Ví dụ một người đầu độc kẻ khác, lãnh quả báo khủng khiếp, người gieo nhân ác đó khi lãnh quả báo như vậy, họ không có ý thức đau khổ, thì quả báo đến với họ coi như họ không ý thức về quả báo. Như thế nhân có mà quả không (*đối với chính nạn nhân đó*). Bằng nếu người thọ quả báo mà có ý thức, có tỉnh táo hiểu biết, sẽ cảm nhận sự khổ đau tương xứng với nhân quá khứ đã tạo. Hạt giống gieo xuống bị gió thổi bay mất, bị nắng đốt cháy, bị kiến tha... thì nhân đó không thể có quả.

Một nhân xấu, chưa có điều kiện trở quả, nhưng trong cuộc sống tạo nhiều việc thiện, tinh tấn tu tập thì quả xấu không thể kết quả tương xứng với nhân, mà chúng bị chuyển hóa dưới một hình thức khác nhẹ hơn. Trường hợp này được xem có nhân mà không có quả tương xứng. Một kiếp sống, nạn nhân chịu quả báo nặng, không có nghĩa là mất tất cả những gì còn lại.

Thí dụ, một người vất vả suốt đời để mưu sinh, nhưng không bệnh tật, hoặc không đói khổ,

thỉnh thoảng có người giúp đỡ hoặc có việc hên mang đến, bởi vì quả báo chính là nghèo, nhưng quá khứ cũng đã tạo những việc thiện khác.

Cũng thế, người nhiều phước báu, cuộc sống không có nghĩa vẹn toàn, thỉnh thoảng cũng gặp những việc bất như ý, hoặc bệnh hoạn, hoặc tai ương bất trắc nhẹ. Bởi lẽ, ai cũng có lúc thiện, có lúc bất thiện, rồi gặp duyên thuận hoặc duyên nghịch mà phước họa đến nhiều dạng khác nhau.

VÔ HIỆU HÓA QUẢ BÁO

Một hành giả chấp nhận quả xấu đem đến, tâm an vui tự tại. Quả xấu không tác hại phiền não đau khổ cho đương sự. Trong nhiều truyện tích nhà Phật, một nhà vua hỏi một thiền sư về thân ngũ uẩn, Thiền sư đáp - tất cả là giả, không thật, nhà vua hỏi, nếu giả thì ta chặt đầu nhà người cũng là giả. Thiền sư im lặng chấp nhận, vì biết nhân quá khứ Ngài đã tạo ác nghiệp với người này, vui vẻ chấp nhận đầu rơi mà không hối tiếc, không đau khổ, không hoảng sợ. Như thế quả báo có mà như không có vì đương sự làm chủ được tâm thức, không bị quả báo tác động.

Một thiền sư khác đang ngồi đàm đạo với đệ tử, biết ngày giờ trả quả đã đến, ngài đi ra ngoài can ngăn hai người đánh nhau, thế là một cây gậy trong cuộc đánh lộn, phang vào đầu, ngài an

nhiên thị tịch.

Như vậy quả báo đến có hai trường hợp: đến với thân xác và đến với tâm thức. Đến với thân xác sẽ tạo cảm giác khổ đau về mặt cảm thọ, quả báo đã tác động cả thể chất và tinh thần, dĩ nhiên nặng nhẹ còn tùy thuộc về phúc tội của đương sự trong hoàn cảnh thực tại.

Một trường hợp khác, quả báo đến trong tâm thức mà không đến với thể chất, người thọ báo tâm hồn luôn phiền não, bất an, lo sợ, hoang tưởng, thậm chí ác mộng, luôn có cảm giác ai đó hăm dọa trong lỗ tai, xúi dục làm bậy, có cảm tưởng đang bị ai đó rình mò giết hại.

Quả báo đến với thể chất mà không tác động đến tâm thức thì xem như quả báo đã bị vô hiệu hóa về mặt tâm lý.

Việc chuyển hóa nghiệp quả bằng tâm thức chỉ có ở đẳng cấp tâm linh cao hoặc những bậc chứng đắc. Hành giả đang trên tiến trình tu tập, cảm nhận nghiệp quả bằng tâm an lạc với trạng thái bình thường. Tâm bình thường của một hành giả là tâm không bị tác động bởi kiết sử, khác với tâm bình thường của thế tục đầy tham sân si, khi chưa khởi họ nghĩ là tâm bình thường. Tâm bình thường tức là Đạo, hành giả chuyển hóa nghiệp báo bằng con đường đạo là mặc nhiên nhìn thấu rõ bản chất Nhân Quả mà an nhiên chấp nhận không bị tác động bởi cảm thọ khổ đau.

CÓ QUẢ MÀ KHÔNG CÓ NHÂN

Trong Phật giáo có hai trường hợp: Định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp là sự vận hành của luật nhân quả dưới mọi hình thức, có nhân và có quả rõ rệt, còn một trường hợp không thể xác định nhân mà kết quả vẫn hiện hữu. ví dụ đi vấp cục đá, nhân nó là gì? Không thể bào kiếp trước mình làm cục đá vấp bây giờ cục đá làm mình vấp. Nếu truy nhân thì nhân này do thiếu chánh niệm, hay gọi là không để ý lúc đi đường, trường hợp này gọi là bất định nghiệp. Định và bất định nghiệp về quả, định và bất định về thời gian, định và bất định về thời gian và quả báo; theo luận Du già sư địa quyển 60 thì nghiệp có 4 loại:

- Di thực định, chịu quả báo đã định mà thời gian thì bất định

- Thời phân định, Thời gian chịu quả đã định, nhưng quả báo phải lãnh nhận thì bất định.

- Câu định, chịu quả và thời gian chịu quả đều định.

- Câu bất định, chịu quả và thời gian chịu quả đều bất định

(Phật Quang Đại tứ điển)

Hành giả là người sống luôn tỉnh thức, luôn thấu rõ con đường vận hành của Nhân Quả, con người không bị tác động bởi lạc thọ hay khổ thọ; tỉnh thức còn gọi là chánh niệm, là bức tường thành ngăn chặn vọng tưởng đã mở đường cho nghiệp báo phát sanh. Như cỏ không thể chui lên từ tảng đá, khi nó tìm cách tránh tảng đá để chui lên thì trở thành ngọn cỏ ốm yếu. Cũng vậy, nghiệp báo phát sanh một cách yếu ớt từ những hành giả tinh tấn, đó là lúc nghiệp báo được chuyển hóa nhẹ nhàng.

Tóm lại, quả báo đến tùy thuộc vào phước nghiệp mỗi cá nhân, tùy thuộc vào hành trạng đương cơ tiếp nạp thiện ác hiện hữu và tùy thuộc vào hoàn cảnh xã hội, y báo chánh báo, nhiều trợ duyên khác, vì thế nhân quả bất định Không thể cầu nguyện mà mọi ước muốn được thành đạt, không thể cầu an cầu siêu mà chuyển hóa được nghiệp quả. Nhân giải thoát mới đưa đến quả giải thoát, cũng vậy nhân phúc thiện và tâm bình thường (đạo) mới chuyển hóa được nghiệp quả. Ta còn nhớ Đức Phật trả lời một nghi vấn về khả năng của Ngài đối với nghiệp quả của chúng sanh:

BỐN ĐIỀU PHẬT KHÔNG THỂ LÀM ĐƯỢC

Có một đệ tử hỏi Phật rằng: “Ngài có thần

thông và từ bi, vì sao vẫn còn những kẻ chịu khổ vậy?

Phật rằng: *"Tôi tuy có sức thần thông rất lớn; nhưng có bốn điều là vẫn không thể thực hiện được, chính là :*

Điều 1:

- Nhân quả không thể đổi thay, tự gieo nhân thì tự nhận quả, người khác không thể nhận thay.

Điều 2:

- Trí tuệ không thể cho được, bất kỳ ai muốn có trí tuệ thì phải tự mình tu, học.

Điều 3:

- Tột cùng của Diệu pháp không thể diễn tả được. Bản thể chân thật của vũ trụ dùng ngôn ngữ không thể cắt nghĩa mà hiểu được, chỉ có thể dựa vào thực chứng mà thôi.

Điều 4:

- Không có duyên thì không thể độ, người không có duyên thì họ không bao giờ nghe những lời nói mà ta chia sẻ. Mưa trời tuy lớn, cây không rễ khó mà thấm nước, Phật môn tuy rộng mở, khó độ người vô duyên.

Thế mà, trong tập "NHÂN QUẢ" số 4 của Chân Quang khuyên: *"Mỗi người làm*

việc gấp ba, chính mình có phước, nước nhà vinh quang".

Đọc câu này nhớ lại trước 1975, người dân miền Bắc thường nói: *"Nhân dân làm việc gấp hai, để cho cán bộ có tiền xài chơi, nhân dân làm việc gấp ba, để cho cán bộ có nhà lầu ô tô".*

Bây giờ Chân Quang cũng khuyến khích dân làm việc gấp ba chính mình có phước? Điều này xét lại, làm việc vì miễn cưỡng làm sao có phước, ai mà hoan hỷ khi buộc phải làm việc gấp ba? Đáng ra câu này hãy để cho Ban dân vận hay Ban Tuyên giáo nói đúng hơn.

MINH Mẫn
14/02/2017

** Mỗi người làm việc bằng 3, chính mình có phước nước nhà vinh quang (NHÂN QUẢ 2)*



Một số sai lầm trong bài giảng CÔNG HIẾN và HƯỞNG THỤ

Đó là bài giảng do một vị được gọi là giảng sư có tiếng, thuyết tại Hà Nội vào tối 08/6/2015.

Qua nội dung, đối với giới trí thức am hiểu giáo lý đạo Phật, họ cảm thấy có cái gì bất ổn về tinh thần nhà Phật và có cái gì bất thường trong tư tưởng của người thuyết giảng. Nơi đây, không phân tích hết toàn bộ bài giảng mà chỉ nêu vài đoạn để cho thấy tính bất cập, hiểu biết mang tính cá nhân, sự hiểu biết phàm tục mà một số các băng giảng đã đi ngược lại giáo lý nhà Phật quá nhiều.

So sánh tội và phước

Hưởng thụ có 2 loại: do tự nhiên tới và do mong cầu. Nhưng đều bắt đầu từ phước của quá khứ mà thành.

Nếu từ phước quá khứ mà thành thì cần gì mong cầu, ví dụ kiếp trước làm vua nên kiếp này hưởng thụ vô số phụ nữ mà gọi là cung phi mỹ nữ, do phước nghiệp còn lại mà có ai đó từng

tuyên bố với đệ tử khi đệ tử phát hiện tính lãng nhãng của mình???

- Cõi địa ngục: dành cho những người ngang tàng, bị trừng phạt

Cõi địa ngục chỉ do sự ngang tàng thôi sao? Vì ngang tàng mà xuống địa ngục, còn đâm cha chém chú, lừa thầy gạt trò được ở trên thiên đường để hưởng thụ???

- Cõi ngạ quỷ: không phước, không tội. Người ở cõi này không được bình yên vì họ luôn khao khát hưởng thụ nhưng không có gì để hưởng thụ nên lòng luôn cảm thấy bất an, đau khổ

Không tội sao làm quỷ đói, dù là tội bòn xén? Và lại, theo Kinh Tiểu bộ Đây là 12 loại Ngạ quỷ được điển hình trong phẩm Lokapaññatti và Gacchatidīpanī, trong đó có loại ngạ quỷ:

Vemānikapetā hay Vemānika: Ngạ quỷ bị cảm thọ khổ lúc ban ngày, nhưng ban đêm được thọ hưởng lạc trong Thiên cung. Nguyên nghĩa Pali: Vimāne nibbattoti = Vemāniko. Thì sao gọi là không có gì để hưởng thụ?

Thực tế hiện nay, sẽ có đến 90 % chúng sinh nghỉ tạm ở cõi ngạ quỷ. Vì trong cuộc sống này, con người hưởng thụ hết phước mình đã tạo, nên khi chết đi về cõi mà ko còn gì để hưởng thụ.

Căn cứ vào đâu để xác định 90% đang ở cõi ngạ quỷ? Chắc gì hưởng hết phước mà đọa vào ngạ quỷ, còn súc sanh, Atula thì có phước sao?

Suốt một đời cống hiến, về hưu còn buộc người ta tiếp tục lao động chẳng khác nào bóc lột sức khỏe con người, trong khi các nước tiên tiến, một tuần họ chỉ được phép làm không quá 40 giờ. Ngày xưa miền Bắc truyền miệng nhau câu nói: - "nhân dân làm việc gấp hai, để cho cán bộ có tiền xài chơi - nhân dân làm việc gấp ba, để cho cán bộ có nhà lầu ô tô".

Tóm lại, không những thời pháp này mà có nhiều thời pháp khác cũng mang tính suy diễn cá nhân thông qua tâm lý xã hội chứ chưa thực sự đúng theo tinh thần Phật giáo. Loáng thoáng mang tính nịnh bợ chế độ. Rất tiếc đa số thánh chúng chưa đủ trình độ Phật pháp để thẩm định đúng sai nên bị lạc dẫn đi xa giáo lý.

Thông Trí

Nguyên văn bài giảng của TT. Thích Chân Quang nói về "Cống hiến và hưởng thụ" tại chùa Tương Mai

Tối ngày 22/04/Ất Mùi (08/06/2015), TT. Thích Chân Quang – Phó ban Kinh tế Tài chính T.Ư GHPGVN đã quang lâm Pháp tòa thuyết giảng đề tài CỐNG HIẾN VÀ HƯỞNG THỤ, với sự tham dự của khoảng 4000 phật tử trong và ngoài thành phố Hà Nội.

Mở đầu pháp thoại Thầy chia sẻ rằng khi càng sống, càng tu tập, thầy biết rằng từ khi mình sinh ra đã phải giải một bài toán khó giữa: Tội và Phước, cống hiến và hưởng thụ.

Thật vậy, khi ta xuất hiện trong cuộc đời này mặc nhiên ta phải hưởng thụ: ăn, mặc, đi lại, tham gia các trò vui, yêu đương, tình cảm, hưởng sự giáo dục hay các vấn đề an sinh xã hội...

Thầy nói rằng có những người tự nhiên có sự hưởng thụ kéo tới, nhưng có những người lại muốn tránh xa.

So sánh tội và phước

Hưởng thụ có 2 loại: do tự nhiên tới và do mong cầu. Nhưng đều bắt đầu từ phước của quá khứ mà thành. Để giúp các phật tử hiểu rõ hơn, Thầy lấy ví dụ để so sánh vấn đề tội, phước khá phức tạp:

- Cõi trời: dành cho những người phước lớn. Người cõi này muốn gì là được nấy. Họ không sống ở thế gian vì không đủ điều kiện cho họ hưởng thụ.

- Cõi địa ngục: dành cho những người ngang tàng, bị trừng phạt

- Cõi người: vừa phước vừa tội

- Cõi nga quý: không phước, không tội. Người ở cõi này không được bình yên vì họ luôn khao khát hưởng thụ nhưng không có gì để hưởng thụ nên lòng luôn cảm thấy bất an, đau khổ.

Thực tế hiện này, sẽ có đến 90 % chúng sinh nghỉ tạm ở cõi nga quý. Vì trong cuộc sống này, con người hưởng thụ hết phước mình đã tạo, nên khi chết đi về cõi mà không còn gì để hưởng thụ.

Thầy đặc biệt nhấn mạnh những đến tuổi nghỉ hưu, vẫn còn khả năng cống hiến nhưng chỉ hưởng thụ phước mình đã tạo trước đó. Do đó đa số chúng sinh chết đều phải “nghỉ tạm” ở cõi nga quý là vì thế.

Bài toán khó giữa cống hiến và hưởng thụ

Sau khi giải thích cho phật tử hiểu rõ tội và phước, thầy chuyển qua bài toán khó giữa cống hiến và hưởng thụ. Mỗi ngày đi qua, ta phải ăn cơm là trừ vào kho phước của mình đi rất nhiều. Mỗi người có một kho phước, nếu ta không đắp vào kho phước thì cõi nga quý đang chờ ta.

Tất cả chúng ta đều quên đi sức nặng của hạt cơm. Vì vậy, khi nâng một bát cơm lên ăn mình hãy hứa sẽ sống, cống hiến thật nhiều cho cuộc đời này.

Nên hưởng thụ và cống hiến như thế nào cho đúng?

Để trả lời cho câu hỏi khó này, Thầy đưa ra những ví dụ khá thiết thực như sau:

Con người ta luôn luôn đòi hỏi sự hưởng thụ: ăn; ở; tắm rửa; tiền bạc; quyền lực, sai bảo; lời khen; đường xá đi lại; trò vui giải trí; làm đẹp; tình dục; học tập, giáo dục; an sinh xã hội; chữa bệnh; du lịch, tham quan; tình cảm yêu thương...

Nhưng ít khi nào có người tự hỏi ngược lại xem mình đã cống hiến như thế nào để nhận được sự hưởng thụ đó. Chúng ta chỉ biết đòi hỏi và kêu ca mà thôi. Thầy nhắc nhở: “Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta mà hãy hỏi xem ta đã làm gì cho Tổ quốc mà thôi”.

Là người có đạo đức lúc nào chúng ta cũng phải cân đo đong đếm giữa hưởng thụ và cống hiến.

Trong cuộc sống này, ta mang ơn của biết bao người nên lúc nào cũng tìm cơ hội để cống hiến cho cuộc đời.

Mà sự cống hiến phải đúng thì mới tạo ra Phước, sự cống hiến đúng là khi chúng sinh tâm được bình an, hạnh phúc, đạo đức hơn. Bởi vậy, khi ta giúp ai về vật chất hay tinh thần đều phải quy về một mục đích là ĐẠO ĐỨC, cao hơn là SỰ GIÁC NGỘ TỐI THƯỢNG.

Tuy nhiên cái cơ hội để ta cống hiến trong cuộc đời cũng lệ thuộc vào Phước của ta.

Khi ta cho ai vật chất hay tinh thần đều có một công thức chung:

<i>Vật chất</i>	<i>Vật chất</i>
<i>Khi ta cho ai</i>	<i>Mà sẽ biến thành Tâm thường</i>
<i>Vật chất</i>	<i>Vật chất</i>
<i>Khi ta cho ai</i>	<i>Mà sẽ biến thành Cao thượng</i>
<i>Vật chất</i>	<i>Vật chất</i>

Công thức chung về việc giúp người phải quy về ĐẠO ĐỨC đã kết thúc bài pháp thoại tối qua. Thời pháp 90 phút đã để lại rất nhiều bài học sâu sắc, ý nghĩa trong lòng phật tử. Thời tiết Hà Nội tuy có nóng bức nhưng lòng các phật tử đều cảm thấy mát mẻ, an lạc lạ thường.

Biên Thùy

Theo phatgiaio.org.vn



Mục Lục

- 1 Lời đầu
- 3 Ảo giác - Hoang tưởng – Điên (1)
- 14 Ảo giác - Hoang tưởng – Điên (2)

28	Áo giác – Hoang tưởng – Thiền (3)
43	Áo giác – Hoang tưởng – Ngáo đá (4)
57	Phóng sanh: Tội và Phước
66	Hiểu về Nhân Quả (1)
71	Hiểu về Nhân Quả (2)
79	Hiểu về Nhân Quả (3)
91	Một số sai lầm trong bài giảng ...
94	Bài giảng gốc của Chân Quang
100	Mục lục

Đôi nét về tác giả Minh Mẫn

<https://quangduc.com/author/about/486/cu-si-minh-man>

